

**BỘ Y TẾ
TRUNG TÂM MUA SẴM
TẬP TRUNG THUỐC QUỐC GIA**

Số: 63 /QĐ-TTMS

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 21 tháng 05 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu Cung cấp thuốc điều trị HIV/AIDS thuộc danh mục thuốc được áp dụng hình thức đàm phán giá nguồn bảo hiểm y tế năm 2024-2025 (đợt 2)

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM MUA SẴM TẬP TRUNG THUỐC QUỐC GIA

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Luật Dược ngày 06 tháng 4 năm 2016;

Căn cứ Nghị quyết số 112/NQ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ về việc thành lập Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 2 năm 2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 05/2024/TT-BYT ngày 14 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định danh mục thuốc, thiết bị y tế, vật tư xét nghiệm được áp dụng hình thức đàm phán giá và quy trình, thủ tục lựa chọn nhà thầu đối với các gói thầu áp dụng hình thức đàm phán giá;

Căn cứ Quyết định số 1650/QĐ-BYT ngày 27 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 1754/QĐ-BYT ngày 20 tháng 6 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc giao nhiệm vụ thực hiện mua sắm thuốc có hoạt chất Tenofovir disoproxil fumarate, Lamivudin, Efavirenz;

Căn cứ Quyết định số 2331/QĐ-BYT ngày 07 tháng 8 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc giao đầu mối thực hiện trách nhiệm, nhiệm vụ của Đơn vị mua sắm tập trung cấp Quốc gia, đàm phán giá cho các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ Y tế;

Căn cứ Quyết định số 2448/QĐ-BYT ngày 15 tháng 8 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp thuốc điều trị HIV/AIDS thuộc danh mục thuốc được áp dụng hình thức đàm phán giá nguồn bảo hiểm y tế năm 2024-2025 (đợt 2) do Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc

Quốc gia thực hiện;

Căn cứ Quyết định số 03/QĐ-TTMS ngày 10/01/2025 về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu Cung cấp thuốc điều trị HIV/AIDS thuộc danh mục thuốc được áp dụng hình thức đàm phán giá nguồn bảo hiểm y tế năm 2024-2025 (đợt 2);

Căn cứ Công văn số 173/QLD-CL ngày 14/02/2025 của Cục Quản lý Dược về việc thuốc ARV của Mylan Laboratories;

Căn cứ Công văn số 510/QLD-CL ngày 17/02/2025 của Cục Quản lý Dược về việc cảnh báo các thuốc do công ty Mylan Laboratories Limited tại Indore-Pithampur, Ấn Độ sản xuất;

Căn cứ văn bản số 07/2025 đề ngày 17/02/2025 của Công ty TNHH Dược phẩm MedX về thông báo tình hình làm việc với nhà sản xuất thuốc Avonza;

Căn cứ Công văn số 241/QLD-CL ngày 06/3/2025 của Cục Quản lý Dược về thuốc ARV của Mylan Laboratories;

Căn cứ Thông báo số 224/TB-BYT ngày 20/02/2025 của Bộ Y tế về thông báo kết luận của đồng chí Lê Đức Luận, Thứ trưởng Bộ Y tế tại cuộc họp ngày 12/02/2025 về tình hình cung ứng, sử dụng thuốc Avonza trúng thầu thuốc kháng HIV thuộc danh mục thuốc được áp dụng hình thức đàm phán giá;

Căn cứ ý kiến chỉ đạo của Lãnh đạo Bộ Y tế tại tờ trình số 11/TTr-TTMS ngày 13/3/2025 của Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia về xử lý tình huống trong đàm phán giá thuốc Tenofovir disoproxil fumarate; Lamivudin; Efavirenz 300mg; 300mg; 400mg điều trị HIV/AIDS thuộc danh mục thuốc được áp dụng hình thức đàm phán giá;

Căn cứ biên bản làm việc ngày 20/3/2025 giữa Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia và của Công ty TNHH Dược phẩm MedX;

Căn cứ Quyết định số 62/QĐ-TTMS ngày 21/3/2025 của Giám đốc Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia về việc tạm dừng hoàn thiện Thỏa thuận khung Gói thầu Cung cấp thuốc điều trị HIV/AIDS thuộc danh mục thuốc được áp dụng hình thức đàm phán giá nguồn bảo hiểm y tế năm 2024-2025 (đợt 2) đối với Công ty TNHH Dược phẩm MedX

Căn cứ biên bản làm việc ngày 21/3/2025 giữa Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia và của Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha về việc thương thảo, hoàn thiện Thỏa thuận khung gói thầu cung cấp thuốc điều trị HIV/AIDS thuộc danh mục thuốc được áp dụng hình thức đàm phán giá nguồn bảo hiểm y tế năm 2024-2025 (đợt 2);

Theo đề nghị của Trưởng phòng Nghiệp vụ Dược.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu Cung cấp thuốc điều trị HIV/AIDS thuộc Danh mục thuốc được áp dụng hình thức đàm phán giá nguồn bảo hiểm y tế năm 2024-2025 (đợt 2), cụ thể như sau:

- Tên nhà thầu trúng thầu: Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha;
- Địa chỉ: 262L Lê Văn Sỹ, Phường 14, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam;
- Giá trúng thầu: 14.247.365.380 đồng (Mười bốn tỷ hai trăm bốn mươi bảy triệu ba trăm sáu mươi năm nghìn ba trăm tám mươi đồng);
- Loại hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định;
- Cách thức thực hiện: Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia ký thỏa thuận khung, cơ sở y tế ký hợp đồng với nhà thầu;
- Thời gian thực hiện thỏa thuận khung: 10 tháng;
- Thời gian thực hiện gói thầu: 9 tháng và trong thời gian hiệu lực của Thỏa thuận khung;
- Thời gian thực hiện hợp đồng: 9 tháng và trong thời gian hiệu lực của Thỏa thuận khung.
- Danh mục: chi tiết tại Phụ lục 1, 2 kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Giá trúng thầu nêu tại Điều 1 là chi phí ước tính tối đa, đã bao gồm toàn bộ các chi phí liên quan để thực hiện gói thầu như chi phí bao bì, đóng gói, bảo quản, vận chuyển đến kho các cơ sở y tế và các loại thuế, phí, lệ phí theo quy định nhà nước hiện hành.

Điều 3. Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia có trách nhiệm ký Thỏa thuận khung với nhà thầu trúng thầu; các cơ sở y tế ký hợp đồng với nhà thầu trúng thầu để cung cấp mặt hàng thuốc nêu tại Điều 1 theo đúng quy định hiện hành; Cục Phòng chống HIV/AIDS (nay là Cục Phòng bệnh) thực hiện trách nhiệm của đơn vị tổng hợp nhu cầu mua sắm theo quy định tại Thông tư số 05/2024/TT-BYT ngày 14/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

Trước khi hết hạn thỏa thuận khung, Trung tâm và nhà thầu trúng thầu tiến hành xem xét việc tiếp tục cung ứng thuốc trúng thầu đối với 03 đợt (chi tiết tại phụ lục 3 kèm theo Quyết định này) theo mức giá trúng thầu tại Quyết định này.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 5. Các Ông (Bà): Chánh văn phòng, Trưởng các Phòng Nghiệp vụ thuộc Trung tâm Mua sắm tập trung thuộc Quốc gia, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và nhà thầu trúng thầu chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Thủ trưởng Lê Đức Luận (để báo cáo);
- Cục Phòng bệnh;
- Các Phó Giám đốc;
- Lưu: VT, NVD.

GIÁM ĐỐC



Lê Thành Công

PHỤ LỤC I: KẾT QUẢ LỰA CHỌN NHÀ THẦU

Gói thầu Cung cấp thuốc điều trị HIV/AIDS thuộc danh mục thuốc được áp dụng hình thức đàm phán giá nguồn bảo hiểm y tế năm 2024-2025 (đợt 2)

(Kèm theo Quyết định số 63/QĐ-TTMS ngày 21 tháng 3 năm 2025 của Giám đốc Trung tâm Mua sắm tập trung thuộc Quốc gia)

[illegible]

PHỤ LỤC 2: PHẠM VI CHI TIẾT CHO TỪNG CƠ SỞ Y TẾ

(Kèm theo Quyết định số 63 /QĐ-TTMS ngày 21 tháng 3 năm 2025 của Giám đốc Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia)

ST T	Tỉnh	Tên CSYT ký hợp đồng (CSYT cha)	Mã KCB CSYT ký hợp đồng	Tên CSYT cấp thuốc trên công BHYT	Mã CSYT cấp thuốc trên công BHYT	Tên thuốc	Tên hoạt chất, hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Nhóm thuốc	Tổng số	Nhu cầu phân bổ			Đơn giá (VND/viên)	Thành tiền (VND)
												Đợt 1	Đợt 2	Đợt 3		
1	An Giang	Trung Tâm Y Tế Thành Phố Long Xuyên	89001	Trung Tâm Y Tế Thành Phố Long Xuyên	89001	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate, 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	148.770	49.530	49.590	49.650	3.580	532.596.600
2	An Giang	Trung Tâm Y Tế Thành Phố Châu Đốc	89002	Trung Tâm Y Tế Thành Phố Châu Đốc	89002	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate, 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	4.680	1.380	1.440	1.860	3.580	16.754.400
3	An Giang	Trung Tâm Y Tế Huyện An Phú	89003	Trung Tâm Y Tế Huyện An Phú	89003	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate, 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	34.800	11.220	10.800	12.780	3.580	124.584.000
4	An Giang	Bệnh viện đa khoa khu vực tân châu	89004	BVĐK Khu vực Tân Châu	89004	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate, 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	116.370	38.700	38.700	38.970	3.580	416.604.600
5	An Giang	TTYTH PHÚ TÂN	89005	TTYTH. Phú Tân	89005	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate, 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	27.390	9.570	9.450	8.370	3.580	98.056.200
6	An Giang	Trung tâm y tế thị xã Tịnh Biên	89006	Trung tâm y tế thị xã Tịnh Biên	89006	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate, 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	157.500	52.650	52.740	52.110	3.580	563.850.000
7	An Giang	Trung Tâm Y tế huyện Châu Phú	89008	TTYTH. Châu Phú	89008	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate, 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	16.290	4.500	2.700	9.090	3.580	58.318.200

ST T	Tỉnh	Tên CSYT ký hợp đồng (CSYT cha)	Mã KCB CSYT ký hợp đồng	Tên CSYT cấp thuốc trên công BHYT	Mã CSYT cấp thuốc trên công BHYT	Tên thuốc	Tên hoạt chất, hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Nhóm thuốc	Tổng số	Nhu cầu phân bổ			Đơn giá (VND/viên)	Thành tiền (VND)
												Đợt 1	Đợt 2	Đợt 3		
8	An Giang	Trung Tâm Y Tế huyện Chợ Mới	89009	TTYT huyện Chợ Mới	89009	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	59.430	19.200	18.000	22.230	3.580	212.759.400
9	An Giang	Trung tâm y tế huyện Thoại Sơn	89011	TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN THOẠI SƠN	89011	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	14.610	4.290	3.150	7.170	3.580	52.303.800
10	An Giang	Bệnh Viện Đa Khoa trung tâm An Giang	89012	Bệnh Viện Đa Khoa trung tâm An Giang	89012	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	23.760	6.480	3.600	13.680	3.580	85.060.800
11	Bà Rịa - Vũng Tàu	Bệnh viện Vũng Tàu	77001	Bệnh Viện Vũng Tàu	77001	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	31.140	9.630	9.660	11.850	3.580	111.481.200
12	Bà Rịa - Vũng Tàu	Bệnh viện Bà Rịa	77003	Bệnh viện Bà Rịa	77003	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	67.710	24.570	23.520	19.620	3.580	242.401.800
13	Bà Rịa - Vũng Tàu	Trung tâm y tế Thành phố Vũng Tàu	77004	Trung tâm y tế Thành phố Vũng Tàu	77004	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	50.460	19.050	19.950	11.460	3.580	180.646.800
14	Bà Rịa - Vũng Tàu	Trung tâm Y tế huyện Long Đất	77005	Trung tâm Y tế huyện Long Đất	77005	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	36.600	17.790	17.820	990	3.580	131.028.000
15	Bà Rịa - Vũng Tàu	Trung tâm y tế huyện Xuyên Mộc	77006	Trung tâm y tế huyện Xuyên Mộc	77006	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	14.010	7.080	1.800	5.130	3.580	50.155.800

ST T	Tỉnh	Tên CSYT ký hợp đồng (CSYT cha)	Mã KCB CSYT ký hợp đồng	Tên CSYT cấp thuốc trên công BHYT	Mã CSYT cấp thuốc trên công BHYT	Tên thuốc	Tên hoạt chất, hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Nhóm thuốc	Tổng số	Nhu cầu phân bổ			Đơn giá (VND/viên)	Thành tiền (VND)
												Đợt 1	Đợt 2	Đợt 3		
16	Bà Rịa - Vũng Tàu	Trung tâm y tế thị xã Phú Mỹ	77007	Trung tâm y tế thị xã Phú Mỹ	77007	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	39.030	13.470	18.540	7.020	3.580	139.727.400
17	Bạc Liêu	Trung tâm Y tế huyện Hòa Bình	95003	Trung tâm Y tế huyện Hòa Bình	95003	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	1.080	450	450	180	3.580	3.866.400
18	Bạc Liêu	Trung tâm Y tế thị xã Giá Rai	95004	Trung tâm Y tế thị xã Giá Rai	95004	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	1.950	870	900	180	3.580	6.981.000
19	Bạc Liêu	Trung tâm y tế Huyện Hồng Dân	95005	Trung tâm y tế Huyện Hồng Dân	95005	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	1.050	510	540		3.580	3.759.000
20	Bạc Liêu	Trung tâm Y tế huyện Phước Long	95006	Trung tâm Y tế huyện Phước Long	95006	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	630	270	270	90	3.580	2.255.400
21	Bạc Liêu	Trung tâm Y tế huyện Đông Hải	95007	Trung tâm Y tế huyện Đông Hải	95007	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	2.220	1.050	1.080	90	3.580	7.947.600
22	Bạc Liêu	Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Lợi	95035	Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Lợi	95035	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	1.020	300	360	360	3.580	3.651.600
23	Bạc Liêu	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Bạc Liêu	95079	Phòng khám đa khoa thuộc Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Bạc Liêu	95079	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	58.170	18.000	18.000	22.170	3.580	208.248.600

ST T	Tỉnh	Tên CSYT ký hợp đồng (CSYT cha)	Mã KCB CSYT ký hợp đồng	Tên CSYT cấp thuốc trên công BHYT	Mã CSYT cấp thuốc trên công BHYT	Tên thuốc	Tên hoạt chất, hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Nhóm thuốc	Tổng số	Nhu cầu phân bổ			Đơn giá (VND/viên)	Thành tiền (VND)
												Đợt 1	Đợt 2	Đợt 3		
24	Bắc Giang	Trung tâm Y tế huyện Lạng Giang	24008	Trung tâm Y tế huyện Lạng Giang	24008	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	4.920	1.590	1.620	1.710	3.580	17.613.600
25	Bắc Giang	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Bắc Giang	24280	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Bắc Giang	24280	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	42.930	14.490	14.490	13.950	3.580	153.689.400
26	Bắc Kạn	Bệnh viện đa khoa tỉnh	06001	Bệnh viện đa khoa tỉnh	06001	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	270	90	90	90	3.580	966.600
27	Bắc Kạn	Trung tâm Y tế Huyện Bạch Thông	06003	Trung Tâm Y tế Huyện Bạch Thông	06003	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	1.170	450	450	270	3.580	4.188.600
28	Bắc Kạn	Trung Tâm Y Tế Huyện Chợ Đồn	06004	Trung Tâm Y Tế Huyện Chợ Đồn	06004	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	2.730	2.010	720	0	3.580	9.773.400
29	Bắc Kạn	Trung tâm y tế Huyện Na Rì	06006	Trung tâm y tế Huyện Na Rì	06006	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	630	270	180	180	3.580	2.255.400
30	Bắc Kạn	Trung tâm Y tế huyện Chợ Mới	06007	TTYT H Chợ Mới	06007	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	1.290	840	450		3.580	4.618.200
31	Bắc Kạn	TTYT H Pác Nặm	06031	TTYT H Pác Nặm	06031	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	1.100	550	550	0	3.580	3.938.000

ST T	Tỉnh	Tên CSYT ký hợp đồng (CSYT cha)	Mã KCB CSYT ký hợp đồng	Tên CSYT cấp thuốc trên công BHYT	Mã CSYT cấp thuốc trên công BHYT	Tên thuốc	Tên hoạt chất, hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Nhóm thuốc	Tổng số	Nhu cầu phân bổ			Đơn giá (VND/viên)	Thành tiền (VND)
												Đợt 1	Đợt 2	Đợt 3		
32	Bắc Kạn	TTYT TP Bắc Kạn	06033	TTYT TP Bắc Kạn	06033	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	2.700	900	900	900	3.580	9.666.000
33	Bắc Ninh	Trung tâm y tế Thị Xã Quế Võ	27008	Trung tâm y tế Thị Xã Quế Võ	27008	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	1.350	450	450	450	3.580	4.833.000
34	Bến Tre	Bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu	83009	Bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu	83009	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	301.200	105.600	105.600	90.000	3.580	1.078.296.000
35	Bến Tre	Bệnh viện đa khoa khu vực Ba Tri	83100	Bệnh viện đa khoa khu vực Ba Tri	83100	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	5.580	1.350	1.350	2.880	3.580	19.976.400
36	Bến Tre	Bệnh viện đa khoa khu vực Cù Lao Minh	83600	Bệnh viện đa khoa khu vực Cù Lao Minh	83600	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	3.420	1.080	1.080	1.260	3.580	12.243.600
37	Bình Dương	Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Dương	74001	Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Dương	74001	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	5.160	1.800	1.800	1.560	3.580	18.472.800
38	Bình Dương	Trung tâm y tế thành phố Thủ Dầu Một	74008	Phòng khám đa khoa - Nhà hộ sinh thuộc Trung tâm y tế thành phố Thủ Dầu Một	74008	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	147.900	49.380	49.500	49.020	3.580	529.482.000
39	Bình Dương	Trung Tâm Y Tế Thành Phố Dĩ An	74028	Trung Tâm Y Tế Thành Phố Dĩ An	74028	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	95.040	32.010	32.400	30.630	3.580	340.243.200

ST T	Tỉnh	Tên CSYT ký hợp đồng (CSYT cha)	Mã KCB CSYT ký hợp đồng	Tên CSYT cấp thuốc trên cổng BHYT	Mã CSYT cấp thuốc trên cổng BHYT	Tên thuốc	Tên hoạt chất, hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Nhóm thuốc	Tổng số	Nhu cầu phân bổ			Đơn giá (VND/viên)	Thành tiền (VND)
												Đợt 1	Đợt 2	Đợt 3		
40	Bình Dương	Trung tâm Y tế Thành Phố Thuận An	74039	Trung tâm Y tế Thành Phố Thuận An	74039	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	65.610	13.170	23.400	29.040	3.580	234.883.800
41	Bình Dương	Trung Tâm Y Tế Thành phố Bến Cát	74050	Trung Tâm Y Tế Thành phố Bến Cát	74050	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	108.180	37.080	36.000	35.100	3.580	387.284.400
42	Bình Dương	Trung Tâm Y Tế thành phố Tân Uyên	74066	Trung Tâm Y Tế thành phố Tân Uyên	74066	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	54.240	18.540	18.000	17.700	3.580	194.179.200
43	Bình Dương	Trung tâm y tế Huyện Phú Giáo	74089	Trung Tâm Y Tế Huyện Phú Giáo	74089	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	8.400	3.000	3.060	2.340	3.580	30.072.000
44	Bình Dương	TTYT Huyện Dầu Tiếng	74102	TTYT Huyện Dầu Tiếng	74102	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	11.400	3.750	3.600	4.050	3.580	40.812.000
45	Bình Dương	Trung tâm y tế Huyện Bắc Tân Uyên	74201	Trung tâm y tế Huyện Bắc Tân Uyên	74201	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	900	270	270	360	3.580	3.222.000
46	Bình Dương	Trung tâm y tế huyện Bàu Bàng	74202	Trung tâm y tế huyện Bàu Bàng	74202	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	5.490	1.740	1.800	1.950	3.580	19.654.200
47	Bình Phước	BVĐK tỉnh Bình Phước	70001	BVĐK tỉnh Bình Phước	70001	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	61.260	15.930	16.020	29.310	3.580	219.310.800

ST T	Tỉnh	Tên CSYT ký hợp đồng (CSYT cha)	Mã KCB CSYT ký hợp đồng	Tên CSYT cấp thuốc trên công BHYT	Mã CSYT cấp thuốc trên công BHYT	Tên thuốc	Tên hoạt chất, hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Nhóm thuốc	Tổng số	Nhu cầu phân bổ			Đơn giá (VND/viên)	Thành tiền (VND)
												Đợt 1	Đợt 2	Đợt 3		
48	Bình Phước	Trung Tâm Y Tế Thị Xã Chơn Thành	70008	Trung Tâm Y Tế Thị Xã Chơn Thành	70008	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	32.870	10.770	10.800	11.300	3.580	117.674.600
49	Bình Thuận	Trung tâm y tế Tân Linh	60013	Trung tâm y tế Tân Linh	60013	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	6.060	2.160	1.650	2.250	3.580	21.694.800
50	Bình Thuận	Trung Tâm Y Tế Quân Dân Y Huyện Phú Quý	60016	Trung Tâm Y Tế Quân Dân Y Huyện Phú Quý	60016	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	1.680	840	840	0	3.580	6.014.400
51	Bình Thuận	Trung tâm y tế Hàm Tân	60019	Trung tâm y tế Hàm Tân	60019	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	4.920	1.560	1.440	1.920	3.580	17.613.600
52	Bình Thuận	Trung Tâm Kiểm soát Bệnh tật tỉnh Bình Thuận	60167	Trung Tâm Kiểm soát Bệnh tật tỉnh Bình Thuận	60167	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	74.400	23.640	24.390	26.370	3.580	266.352.000
53	Bình Thuận	Trung tâm y tế huyện Đức Linh	60214	Trung tâm y tế huyện Đức Linh	60214	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	2.250	930	900	420	3.580	8.055.000
54	Bình Thuận	Trung tâm Y tế Thị xã La Gi	60170	Trung tâm y tế La Gi	60170	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	1.250	400	400	450	3.580	4.475.000
55	Bình Thuận	Trung Tâm Y tế Bắc Bình	60171	Trung tâm y tế Bắc Bình	60171	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	8.850	2.820	2.880	3.150	3.580	31.683.000

ST T	Tỉnh	Tên CSYT ký hợp đồng (CSYT cha)	Mã KCB CSYT ký hợp đồng	Tên CSYT cấp thuốc trên công BHYT	Mã CSYT cấp thuốc trên công BHYT	Tên thuốc	Tên hoạt chất, hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Nhóm thuốc	Tổng số	Nhu cầu phân bổ			Đơn giá (VND/viên)	Thành tiền (VND)
												Đợt 1	Đợt 2	Đợt 3		
56	Cà Mau	Bệnh viện đa khoa Cà Mau	96001	Bệnh viện đa khoa Cà Mau	96001	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	510	180	180	150	3.580	1.825.800
57	Cà Mau	Bệnh viện đa khoa thành phố Cà Mau	96002	Bệnh viện đa khoa thành phố Cà Mau	96002	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	5.760	2.880	2.880		3.580	20.620.800
58	Cà Mau	Bệnh viện đa khoa Trần Văn Thời	96014	Bệnh viện đa khoa Trần Văn Thời	96014	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	10.830	3.570	3.600	3.660	3.580	38.771.400
59	Cao Bằng	TTYT Thành Phố Cao Bằng	04001	TTYT Thành Phố Cao Bằng	04001	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	960	450	450	60	3.580	3.436.800
60	Cao Bằng	Trung tâm Y tế huyện Nguyên Bình	04007	Trung tâm Y tế huyện Nguyên Bình	04007	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	450	90	90	270	3.580	1.611.000
61	Cao Bằng	TTYT huyện Hạ Lang	04011	TTYT huyện Hạ Lang	04011	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	330	90	90	150	3.580	1.181.400
62	Cần Thơ	Bệnh viện Quân Y 121	92002	Bệnh viện Quân Y 121	92002	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	1.080	360	360	360	3.580	3.866.400
63	Cần Thơ	Bệnh Viện Đa Khoa Thành Phố Cần Thơ	92004	Bệnh viện Đa khoa thành phố Cần Thơ	92004	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	6.540	1.920	1.920	2.700	3.580	23.413.200

ST T	Tỉnh	Tên CSYT ký hợp đồng (CSYT cha)	Mã KCB CSYT ký hợp đồng	Tên CSYT cấp thuốc trên công BHYT	Mã CSYT cấp thuốc trên công BHYT	Tên thuốc	Tên hoạt chất, hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Nhóm thuốc	Tổng số	Nhu cầu phân bổ			Đơn giá (VND/viên)	Thành tiền (VND)
												Đợt 1	Đợt 2	Đợt 3		
64	Cần Thơ	Trung tâm Y tế quận Bình Thủy	92005	Trung tâm Y tế quận Bình Thủy	92005	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	1.350	450	450	450	3.580	4.833.000
65	Cần Thơ	Trung tâm Y tế quận Cái Răng	92006	Trung tâm Y tế quận Cái Răng	92006	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	1.080	360	360	360	3.580	3.866.400
66	Cần Thơ	Bệnh viện đa khoa quận Ô Môn	92007	Bệnh viện đa khoa quận Ô Môn	92007	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	810	270	270	270	3.580	2.899.800
67	Cần Thơ	Bệnh Viện Đa Khoa Quận Thốt Nốt	92010	Bệnh viện Đa Khoa quận Thốt Nốt	92010	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	3.450	1.050	1.050	1.350	3.580	12.351.000
68	Đà Nẵng	Trung tâm Y tế quận Thanh Khê	48004	Trung tâm Y tế quận Thanh Khê	48004	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	7.080	2.250	2.070	2.760	3.580	25.346.400
69	Đà Nẵng	Bệnh viện Đa Liễu thành phố Đà Nẵng	48013	Bệnh viện Đa Liễu thành phố Đà Nẵng	48013	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	12.600	4.500	4.500	3.600	3.580	45.108.000
70	Đà Nẵng	Trung tâm Y tế huyện Hòa Vang	48128	Trung tâm Y tế huyện Hòa Vang	48128	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	6.900	2.250	2.250	2.400	3.580	24.702.000
71	Đắk Lắk	Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Đắk Lắk	66242	Phòng khám chuyên khoa HIV/AIDS	66242	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	15.360	4.920	4.950	5.490	3.580	54.988.800

ST T	Tỉnh	Tên CSYT ký hợp đồng (CSYT cha)	Mã KCB CSYT ký hợp đồng	Tên CSYT cấp thuốc trên công BHYT	Mã CSYT cấp thuốc trên công BHYT	Tên thuốc	Tên hoạt chất, hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Nhóm thuốc	Tổng số	Nhu cầu phân bổ			Đơn giá (VND/viên)	Thành tiền (VND)
												Đợt 1	Đợt 2	Đợt 3		
72	Đắk Nông	Trung tâm Y tế huyện Cư Jút	67011	Trung tâm Y tế H.Cư Jút	67011	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	810	270	270	270	3.580	2.899.800
73	Điện Biên	Trung tâm Y tế Thành phố Điện Biên Phủ	11002	Trung tâm Y tế Thành phố Điện Biên Phủ	11002	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	2.880	990	990	900	3.580	10.310.400
74	Điện Biên	Trung tâm y tế huyện Điện Biên	11011	Trung tâm y tế huyện Điện Biên	11011	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	2.700	900	900	900	3.580	9.666.000
75	Điện Biên	Trung tâm y tế điện biên đông	11032	Trung tâm y tế huyện Điện Biên Đông tỉnh Điện Biên	11032	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	4.920	1.800	1.800	1.320	3.580	17.613.600
76	Điện Biên	Trung tâm y tế thị xã Mường Lay	11045	Trung Tâm Y Tế Thị Xã Mường Lay	11045	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	2.700	900	900	900	3.580	9.666.000
77	Điện Biên	Trung tâm y tế Huyện Mường Chà	11048	Trung tâm y tế Huyện Mường Chà	11048	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	810	270	270	270	3.580	2.899.800
78	Điện Biên	Trung tâm Y tế huyện Tủa Chùa	11060	Trung tâm Y tế huyện Tủa Chùa	11060	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	1.080	450	450	180	3.580	3.866.400
79	Điện Biên	Trung tâm y tế huyện Nậm Pồ	11061	Trung tâm y tế huyện Nậm Pồ	11061	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	540	180	180	180	3.580	1.933.200

ST T	Tỉnh	Tên CSYT ký hợp đồng (CSYT cha)	Mã KCB CSYT ký hợp đồng	Tên CSYT cấp thuốc trên công BHYT	Mã CSYT cấp thuốc trên công BHYT	Tên thuốc	Tên hoạt chất, hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Nhóm thuốc	Tổng số	Nhu cầu phân bổ			Đơn giá (VND/viên)	Thành tiền (VND)
												Đợt 1	Đợt 2	Đợt 3		
80	Điện Biên	TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN MUÔNG NHÉ	11073	TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN MUÔNG NHÉ	11073	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	360	90	90	180	3.580	1.288.800
81	Điện Biên	Trung tâm y tế huyện Tuần Giáo	11080	Trung tâm y tế huyện Tuần Giáo tỉnh Điện Biên	11080	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	5.280	1.980	1.980	1.320	3.580	18.902.400
82	Điện Biên	Trung tâm y tế Huyện Mường Ảng Tỉnh Điện Biên	11082	Trung tâm y tế huyện Mường Ảng	11082	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	5.340	1.890	1.890	1.560	3.580	19.117.200
83	Điện Biên	TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH ĐIỆN BIÊN	11102	TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH ĐIỆN BIÊN	11102	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	2.790	1.260	900	630	3.580	9.988.200
84	Đồng Nai	Bệnh Viện Đa Khoa Đồng Nai	75001	Bệnh Viện Đa Khoa Đồng Nai	75001	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	1.350	450	450	450	3.580	4.833.000
85	Đồng Nai	Trung Tâm Y Tế Huyện Xuân Lộc	75013	Trung tâm y tế Huyện Xuân Lộc	75013	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	1.080	360	360	360	3.580	3.866.400
86	Đồng Nai	Bệnh Viện Đa Liễu tỉnh Đồng Nai	75234	Bệnh Viện Đa Liễu tỉnh Đồng Nai	75234	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	540	180	180	180	3.580	1.933.200
87	Đồng Nai	Trung Tâm Y Tế Thành phố Long Khánh	75303	Phòng khám, điều trị HIV/AIDS thuộc Trung Tâm Y Tế Thành phố Long Khánh	75303	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	9.450	3.150	3.150	3.150	3.580	33.831.000

ST T	Tỉnh	Tên CSYT ký hợp đồng (CSYT cha)	Mã KCB CSYT ký hợp đồng	Tên CSYT cấp thuốc trên cổng BHYT	Mã CSYT cấp thuốc trên cổng BHYT	Tên thuốc	Tên hoạt chất, hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Nhóm thuốc	Tổng số	Nhu cầu phân bổ			Đơn giá (VND/viên)	Thành tiền (VND)
												Đợt 1	Đợt 2	Đợt 3		
88	Đồng Nai	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Đồng Nai	75308	Phòng khám chuyên khoa HIV/AIDS thuộc Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Đồng Nai	75308	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	2.700	900	900	900	3.580	9.666.000
89	Đồng Tháp	Trung tâm y tế huyện Tam Nông	87004	Trung tâm y tế huyện Tam Nông	87004	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	1.650	450	450	750	3.580	5.907.000
90	Đồng Tháp	Trung tâm y tế huyện Lấp Vò	87005	Trung tâm y tế huyện Lấp Vò	87005	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	1.350	450	450	450	3.580	4.833.000
91	Đồng Tháp	Trung tâm Y tế huyện Thanh Bình	87010	Trung tâm y tế Huyện Thanh Bình	87010	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	450	180	180	90	3.580	1.611.000
92	Đồng Tháp	bv đa khoa đồng tháp	87012	Bệnh viện đa khoa Đồng Tháp	87012	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	7.770	2.610	2.700	2.460	3.580	27.816.600
93	Đồng Tháp	BVĐK Sa Đéc	87014	BVĐK Sa Đéc	87014	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	1.440	450	450	540	3.580	5.155.200
94	Đồng Tháp	Bệnh viện Đa khoa khu vực Hồng Ngự	87015	Bệnh viện Đa khoa khu vực Hồng Ngự	87015	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	29.400	9.630	9.900	9.870	3.580	105.252.000
95	Đồng Tháp	Trung tâm y tế huyện Tháp Mười	87183	Trung tâm y tế huyện Tháp Mười	87183	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	2.280	450	450	1.380	3.580	8.162.400

ST T	Tỉnh	Tên CSYT ký hợp đồng (CSYT cha)	Mã KCB CSYT ký hợp đồng	Tên CSYT cấp thuốc trên công BHYT	Mã CSYT cấp thuốc trên công BHYT	Tên thuốc	Tên hoạt chất, hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Nhóm thuốc	Tổng số	Nhu cầu phân bổ			Đơn giá (VND/viên)	Thành tiền (VND)
												Đợt 1	Đợt 2	Đợt 3		
96	Gia Lai	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Gia Lai	64001	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Gia Lai	64001	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	6.120	1.890	1.890	2.340	3.580	21.909.600
97	Gia Lai	TTYT huyện Phú Thiện	64041	TTYT huyện Phú Thiện	64041	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	7.020	2.250	2.250	2.520	3.580	25.131.600
98	Gia Lai	Trung tâm y tế thị xã An Khê	64250	Trung tâm y tế thị xã An Khê	64250	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	8.070	2.670	2.700	2.700	3.580	28.890.600
99	Hà Giang	Bệnh viện đa khoa Vị Xuyên	02005	BVĐK Vị Xuyên	02005	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	720	270	270	180	3.580	2.577.600
100	Hà Giang	Bệnh viện đa khoa huyện Quản Bạ	02009	BVĐK H. Quản Bạ	02009	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	1.440	450	450	540	3.580	5.155.200
101	Hà Giang	Bệnh Viện Đa khoa Huyện Đồng Văn	02011	BVĐK H. Đồng Văn	02011	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	540	180	180	180	3.580	1.933.200
102	Hà Giang	BVĐK huyện Mèo Vạc	02012	BVĐK H. Mèo Vạc	02012	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	1.530	450	450	630	3.580	5.477.400
103	Hà Nam	Trung tâm y tế huyện Kim Bảng	35004	Trung tâm y tế huyện Kim Bảng	35004	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	12.060	2.430	2.430	7.200	3.580	43.174.800

ST T	Tỉnh	Tên CSYT ký hợp đồng (CSYT cha)	Mã KCB CSYT ký hợp đồng	Tên CSYT cấp thuốc trên công BHYT	Mã CSYT cấp thuốc trên công BHYT	Tên thuốc	Tên hoạt chất, hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Nhóm thuốc	Tổng số	Nhu cầu phân bổ			Đơn giá (VND/viên)	Thành tiền (VND)
												Đợt 1	Đợt 2	Đợt 3		
104	Hà Nam	Trung tâm y tế huyện Thanh Liêm	35022	Trung tâm y tế huyện Thanh Liêm	35022	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	8.100	2.700	2.700	2.700	3.580	28.998.000
105	Hà Nam	Trung tâm y tế thị xã Duy Tiên	35036	Trung tâm y tế thị xã Duy Tiên	35036	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	3.240	1.080	1.080	1.080	3.580	11.599.200
106	Hà Nam	Trung tâm Y tế huyện Bình Lục	35046	Trung tâm Y tế huyện Bình Lục	35046	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	900	450	450		3.580	3.222.000
107	Hà Nam	Trung tâm y tế huyện Lý Nhân	35064	Trung tâm y tế huyện Lý Nhân	35064	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	5.400	1.800	1.800	1.800	3.580	19.332.000
108	Hà Nam	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Hà Nam	35155	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Hà Nam	35155	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	10.800	3.600	3.600	3.600	3.580	38.664.000
109	Hà Nội	Bệnh viện đa khoa Đống Đa	01004	Bệnh viện đa khoa Đống Đa	01004	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	9.060	3.030	2.700	3.330	3.580	32.434.800
110	Hà Nội	Trung tâm y tế quận Đống Đa	01806	Phòng khám đa khoa số 3 trực thuộc trung tâm y tế quận Đống Đa	01021	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	172.530	50.400	41.400	80.730	3.580	617.657.400
111	Hà Nội	Trung tâm y tế quận Ba Đình	01801	Phòng khám đa khoa 50 Hàng Bún (TTYT Quận Ba Đình)	01059	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	2.490	660	630	1.200	3.580	8.914.200

ST T	Tỉnh	Tên CSYT ký hợp đồng (CSYT cha)	Mã KCB CSYT ký hợp đồng	Tên CSYT cấp thuốc trên cổng BHYT	Mã CSYT cấp thuốc trên cổng BHYT	Tên thuốc	Tên hoạt chất, hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Nhóm thuốc	Tổng số	Nhu cầu phân bổ			Đơn giá (VND/viên)	Thành tiền (VND)
												Đợt 1	Đợt 2	Đợt 3		
112	Hà Nội	Trung tâm y tế quận Tây Hồ	01803	Phòng khám đa khoa trực thuộc Trung tâm y tế quận Tây Hồ	01066	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	720	360	360		3.580	2.577.600
113	Hà Nội	Trung tâm Y tế Quận Thanh Xuân	01809	Phòng khám đa khoa trực thuộc Trung tâm Y tế quận Thanh Xuân	01074	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	1.890	450	450	990	3.580	6.766.200
114	Hà Nội	Trung tâm y tế Quận Đống Anh	01811	Phòng khám đa khoa miễn Đổng (TTYT huyện Đống Anh)	01084	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	13.140	4.290	4.320	4.530	3.580	47.041.200
115	Hà Nội	Trung tâm Y tế Quận Long Biên	01804	Phòng khám Đa khoa Trung tâm (TTYT quận Long Biên)	01092	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	67.680	20.100	19.800	27.780	3.580	242.294.400
116	Hà Nội	Bệnh viện Bệnh Nhiệt đới Trung Ương	01924	Bệnh viện Bệnh Nhiệt đới Trung Ương	01924	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	30.270	9.000	9.000	12.270	3.580	108.366.600
117	Hà Nội	Bệnh Viện Đa Khoa Hà Đông	01816	Bệnh viện đa khoa Hà Đông	01816	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	1.920	270	270	1.380	3.580	6.873.600
118	Hà Nội	Bệnh viện đa khoa Văn Đình	01817	Bệnh viện đa khoa Văn Đình	01817	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	3.990	390	1.800	1.800	3.580	14.284.200
119	Hà Nội	Bệnh viện đa khoa huyện Ba Vì	01822	Bệnh viện đa khoa huyện Ba Vì	01822	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	1.350	450	450	450	3.580	4.833.000

ST T	Tỉnh	Tên CSYT ký hợp đồng (CSYT cha)	Mã KCB CSYT ký hợp đồng	Tên CSYT cấp thuốc trên công BHYT	Mã CSYT cấp thuốc trên công BHYT	Tên thuốc	Tên hoạt chất, hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Nhóm thuốc	Tổng số	Nhu cầu phân bổ			Đơn giá (VND/viên)	Thành tiền (VND)
												Đợt 1	Đợt 2	Đợt 3		
120	Hà Nội	Bệnh Viện Đa Khoa Sơn Tây	01831	Bệnh Viện Đa Khoa Sơn Tây	01831	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	180	90	90		3.580	644.400
121	Hà Nội	Bệnh viện Phổi Hà Nội	01903	Bệnh viện Phổi Hà Nội	01903	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	45.420	13.170	12.600	19.650	3.580	162.603.600
122	Hà Nội	Bệnh viện Bạch Mai	01929	Bệnh viện Bạch Mai	01929	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	2.280	900	900	480	3.580	8.162.400
123	Hải Dương	Bệnh viện Bệnh Nhiệt đới tỉnh Hải Dương	30341	Bệnh viện Bệnh Nhiệt đới tỉnh Hải Dương	30341	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	2.880	900	900	1.080	3.580	10.310.400
124	Hải Phòng	Trung tâm Y tế quận Hồng Bàng	31002	Phòng khám đa khoa khu vực Thượng Lý (thuộc Trung tâm Y tế quận Hồng Bàng)	31559	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	1.350	450	450	450	3.580	4.833.000
125	Hải Phòng	Bệnh viện đa khoa quận Ngô Quyền	31003	Bệnh viện đa khoa quận Ngô Quyền	31003	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	810	270	270	270	3.580	2.899.800
126	Hải Phòng	Trung Tâm Y tế quận Lê Chân	31004	Trung Tâm Y tế quận Lê Chân	31004	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	2.340	660	630	1.050	3.580	8.377.200
127	Hải Phòng	Bệnh viện đa khoa huyện Thủy Nguyên	31006	Bệnh viện đa khoa huyện Thủy Nguyên	31006	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	6.210	2.070	2.070	2.070	3.580	22.231.800

ST T	Tỉnh	Tên CSYT ký hợp đồng (CSYT cha)	Mã KCB CSYT ký hợp đồng	Tên CSYT cấp thuốc trên cổng BHYT	Mã CSYT cấp thuốc trên cổng BHYT	Tên thuốc	Tên hoạt chất, hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Nhóm thuốc	Tổng số	Nhu cầu phân bổ			Đơn giá (VND/viên)	Thành tiền (VND)
												Đợt 1	Đợt 2	Đợt 3		
128	Hải Phòng	Trung Tâm Y Tế Huyện An Dương	31007	Trung Tâm Y Tế Huyện An Dương	31007	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	2.820	810	810	1.200	3.580	10.095.600
129	Hải Phòng	Bệnh viện đa khoa huyện An Lão	31008	Bệnh viện đa khoa huyện An Lão	31008	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	540	180	180	180	3.580	1.933.200
130	Hải Phòng	Trung tâm y tế Huyện Kiến Thụy thành phố Hải Phòng	31011	Trung tâm y tế huyện Kiến Thụy Thành Phố Hải Phòng	31011	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	1.410	510	450	450	3.580	5.047.800
131	Hải Phòng	Trung tâm Y tế quận Đồ Sơn	31012	Trung tâm Y tế quận Đồ Sơn	31012	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	660	180	180	300	3.580	2.362.800
132	Hải Phòng	TTYT Quận Hải An	31020	Trung tâm y tế quận Hải An	31020	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	1.350	450	450	450	3.580	4.833.000
133	Hải Phòng	Bệnh viện Kiến An	31031	Bệnh viện Kiến An	31031	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	1.350	450	450	450	3.580	4.833.000
134	Hải Phòng	Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp	31153	Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp	31153	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	1.350	450	450	450	3.580	4.833.000
135	Hậu Giang	Trung tâm Kiểm soát Bệnh tật tỉnh Hậu Giang	93105	Phòng khám Điều trị HIV/AIDS thuộc Khoa phòng chống HIV/AIDS, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Hậu Giang	93105	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	53.340	18.780	17.730	16.830	3.580	190.957.200

ST T	Tỉnh	Tên CSYT ký hợp đồng (CSYT cha)	Mã KCB CSYT ký hợp đồng	Tên CSYT cấp thuốc trên công BHYT	Mã CSYT cấp thuốc trên công BHYT	Tên thuốc	Tên hoạt chất, hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Nhóm thuốc	Tổng số	Nhu cầu phân bổ			Đơn giá (VND/viên)	Thành tiền (VND)
												Đợt 1	Đợt 2	Đợt 3		
136	Hậu Giang	TTYT Thành Phố Ngã Bảy	93108	TTYT Thành Phố Ngã Bảy	93108	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	35.910	12.390	11.610	11.910	3.580	128.557.800
137	Hòa Bình	Bệnh viện đa khoa tỉnh Hòa Bình	17001	Bệnh Viện đa khoa tỉnh Hòa Bình	17001	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	14.130	5.010	4.950	4.170	3.580	50.585.400
138	Hòa Bình	Trung Tâm Y tế Huyện Lương Sơn	17005	Trung tâm y tế huyện Lương Sơn	17005	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	7.290	1.980	1.800	3.510	3.580	26.098.200
139	Hòa Bình	Trung tâm Y tế huyện Mai Châu	17008	Trung tâm Y tế huyện Mai Châu	17008	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	11.850	3.840	3.600	4.410	3.580	42.423.000
140	Hòa Bình	Trung tâm y tế huyện Lạc Sơn	17010	Trung tâm y tế huyện Lạc Sơn	17010	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	16.581	6.900	6.300	3.381	3.580	59.359.980
141	Hòa Bình	Trung tâm y tế huyện Kim Bôi	17012	Trung tâm y tế huyện Kim Bôi	17012	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	6.180	1.080	900	4.200	3.580	22.124.400
142	Hồ Chí Minh	Bệnh viện Quân y 175	79034	Bệnh viện Quân y 175	79034	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	4.470	1.350	1.350	1.770	3.580	16.002.600
143	Hồ Chí Minh	BỆNH VIỆN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC	79037	BỆNH VIỆN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC	79037	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	3.505	2.505	0	1.000	3.580	12.547.900

ST T	Tỉnh	Tên CSYT ký hợp đồng (CSYT cha)	Mã KCB CSYT ký hợp đồng	Tên CSYT cấp thuốc trên công BHYT	Mã CSYT cấp thuốc trên công BHYT	Tên thuốc	Tên hoạt chất, hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Nhóm thuốc	Tổng số	Nhu cầu phân bổ			Đơn giá (VND/viên)	Thành tiền (VND)
												Đợt 1	Đợt 2	Đợt 3		
144	Hồ Chí Minh	Trung tâm y tế huyện Cần Giờ	79042	Trung tâm y tế huyện Cần Giờ	79042	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	570	180	180	210	3.580	2.040.600
145	Hồ Chí Minh	Bệnh viện Bệnh Nhiệt đới	79394	Bệnh viện Bệnh Nhiệt đới	79394	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	1.500	450	450	600	3.580	5.370.000
146	Hồ Chí Minh	Bệnh viện NHI ĐỒNG 2	79408	Bệnh viện NHI ĐỒNG 2	79408	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	750	360	390		3.580	2.685.000
147	Hồ Chí Minh	Bệnh viện Phạm Ngọc Thạch	79499	Bệnh viện Phạm Ngọc Thạch	79499	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	4.350	1.500	1.500	1.350	3.580	15.573.000
148	Hồ Chí Minh	Phòng khám đa khoa (thuộc CN Công ty CP Greenbiz -PKĐK Galant)	79557	Phòng khám đa khoa (thuộc CN Công ty CP Greenbiz - PKĐK Galant)	79557	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	5.670	1.680	1.680	2.310	3.580	20.298.600
149	Hồ Chí Minh	Trung Tâm y tế Quận Bình Thạnh	79579	Trung Tâm Y Tế quận Bình Thạnh - Cơ sở 2	79655	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	2.610	840	900	870	3.580	9.343.800
150	Hồ Chí Minh	Trung tâm Y tế Quận 8	79582	Trung tâm Y tế Quận 8	79582	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	9.120	3.600	3.600	1.920	3.580	32.649.600
151	Hồ Chí Minh	Trung tâm y tế thành phố thủ đức	79583	Trung Tâm Y Tế Thành Phố Thủ Đức	79583	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	1.100	550	550		3.580	3.938.000

ST T	Tỉnh	Tên CSYT ký hợp đồng (CSYT cha)	Mã KCB CSYT ký hợp đồng	Tên CSYT cấp thuốc trên công BHYT	Mã CSYT cấp thuốc trên công BHYT	Tên thuốc	Tên hoạt chất, hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Nhóm thuốc	Tổng số	Nhu cầu phân bổ			Đơn giá (VND/viên)	Thành tiền (VND)
												Đợt 1	Đợt 2	Đợt 3		
152	Hồ Chí Minh	Trung Tâm Y Tế Quận 7	79590	Phòng khám đa khoa thuộc Trung tâm y tế quận 7	79584	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	1.830	900	930		3.580	6.551.400
153	Hồ Chí Minh	Trung tâm Y tế Huyện Nhà Bè	79729	Trung tâm Y tế Huyện Nhà Bè	79729	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	1.217	560	560	97	3.580	4.356.860
154	Hồ Chí Minh	Trung tâm Y Tế quận Bình Tân	79996	Trung tâm Y Tế quận Bình Tân - Cơ sở 3	79586	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	690	210	180	300	3.580	2.470.200
155	Hồ Chí Minh	Trung tâm y tế quận 10	79027	Trung tâm Y tế Quận 10 - Cơ sở 2	79591	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	6.450	3.000	3.000	450	3.580	23.091.000
156	Hồ Chí Minh	Trung Tâm Y tế Quận 11	79596	Phòng khám Đa khoa (Thuộc Trung Tâm Y Tế Quận 11)	79594	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	10.800	4.500	4.500	1.800	3.580	38.664.000
157	Hồ Chí Minh	TRUNG TÂM Y TẾ QUẬN 3	79009	TRUNG TÂM Y TẾ QUẬN 3 - CƠ SỞ 4	79600	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	3.600	1.800	1.800		3.580	12.888.000
158	Hồ Chí Minh	TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN BÌNH CHÁNH	79604	Phòng khám đa khoa thuộc Trung tâm y tế huyện Bình Chánh	79603	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	11.700	6.000	5.400	300	3.580	41.886.000
159	Hồ Chí Minh	Trung tâm y tế Thành Phố Thủ Đức	79583	Trung tâm Y tế Thành Phố Thủ Đức - Cơ sở 2	79652	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	1.680	810	810	60	3.580	6.014.400

ST T	Tỉnh	Tên CSYT ký hợp đồng (CSYT cha)	Mã KCB CSYT ký hợp đồng	Tên CSYT cấp thuốc trên công BHYT	Mã CSYT cấp thuốc trên công BHYT	Tên thuốc	Tên hoạt chất, hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Nhóm thuốc	Tổng số	Nhu cầu phân bổ			Đơn giá (VND/viên)	Thành tiền (VND)
												Đợt 1	Đợt 2	Đợt 3		
160	Hồ Chí Minh	TRUNG TÂM Y TẾ THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC	79583	Phòng khám điều trị HIV/AIDS thuộc Trung tâm Y tế Thành phố Thủ Đức	79607	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	1.260	810	450		3.580	4.510.800
161	Hồ Chí Minh	Trung tâm Y tế huyện Hóc Môn	79640	Trung tâm Y tế huyện Hóc Môn - Cơ sở 2	79609	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	3.200	1.150	1.150	900	3.580	11.456.000
162	Hồ Chí Minh	TTYT Quận 12	79612	TTYT Quận 12	79612	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	5.760	2.340	2.340	1.080	3.580	20.620.800
163	Hồ Chí Minh	Trung tâm y tế Quận 5	79015	Phòng khám điều trị HIV/AIDS thuộc Trung Tâm Y Tế Quận 5	79613	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	4.950	1.890	1.890	1.170	3.580	17.721.000
164	Hồ Chí Minh	Trung tâm y tế huyện Củ Chi	79728	Phòng khám, điều trị HIV/AIDS (Thuộc Trung Tâm Y tế huyện Củ Chi)	79617	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	3.810	1.290	1.320	1.200	3.580	13.639.800
165	Hồ Chí Minh	TRUNG TÂM Y TẾ QUẬN 1	79610	Trung Tâm Y Tế Quận 1 - Cơ sở 2	79651	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	2.570	1.080	1.080	410	3.580	9.200.600
166	Hồ Chí Minh	TRUNG TÂM Y TẾ QUẬN GÒ VẤP	79580	TRUNG TÂM Y TẾ QUẬN GÒ VẤP - CƠ SỞ 2	79653	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	59.370	25.140	22.860	11.370	3.580	212.544.600
167	Hồ Chí Minh	Trung Tâm Y Tế Quận Phú Nhuận	79587	Trung tâm y tế Quận Phú Nhuận - Cơ sở 2	79656	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	1.320	510	510	300	3.580	4.725.600

ST T	Tỉnh	Tên CSYT ký hợp đồng (CSYT cha)	Mã KCB CSYT ký hợp đồng	Tên CSYT cấp thuốc trên công BHYT	Mã CSYT cấp thuốc trên công BHYT	Tên thuốc	Tên hoạt chất, hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Nhóm thuốc	Tổng số	Nhu cầu phân bổ			Đơn giá (VND/viên)	Thành tiền (VND)
												Đợt 1	Đợt 2	Đợt 3		
168	Hồ Chí Minh	Trung tâm y tế Quận 6	79599	Trung tâm y tế Quận 6 - Cơ Sở 2	79657	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	2.790	990	900	900	3.580	9.988.200
169	Hồ Chí Minh	Trung Tâm Y tế Quận 4	79602	TRUNG TÂM Y TẾ QUẬN 4- CƠ SỞ 3	79662	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	1.238	337	339	562	3.580	4.432.040
170	Hồ Chí Minh	Trung tâm y tế Quận Tân Bình	79574	Trung tâm y tế Quận Tân Bình - Cơ sở 2	79663	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	5.310	2.100	2.100	1.110	3.580	19.009.800
171	Hồ Chí Minh	TRUNG TÂM Y TẾ QUẬN TÂN PHÚ	79577	TRUNG TÂM Y TẾ QUẬN TÂN PHÚ- CƠ SỞ 2	79664	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	3.900	1.350	900	1.650	3.580	13.962.000
172	Kiên Giang	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Kiên Giang	91001	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Kiên Giang	91001	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	330	90	90	150	3.580	1.181.400
173	Kiên Giang	Trung tâm Y tế thành phố Hà Tiên	91002	Trung tâm Y tế thành phố Hà Tiên	91002	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	720	270	270	180	3.580	2.577.600
174	Kiên Giang	trung tâm Y tế huyện Tân Hiệp Kiên Giang	91004	Trung tâm Y tế Huyện Tân Hiệp	91004	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	1.320	360	360	600	3.580	4.725.600
175	Kiên Giang	Trung Tâm Y Tế Huyện Gò Quao	91007	Trung Tâm Y Tế Huyện Gò Quao	91007	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	1.260	450	450	360	3.580	4.510.800

ST T	Tỉnh	Tên CSYT ký hợp đồng (CSYT cha)	Mã KCB CSYT ký hợp đồng	Tên CSYT cấp thuốc trên công BHYT	Mã CSYT cấp thuốc trên công BHYT	Tên thuốc	Tên hoạt chất, hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Nhóm thuốc	Tổng số	Nhu cầu phân bổ			Đơn giá (VND/viên)	Thành tiền (VND)
												Đợt 1	Đợt 2	Đợt 3		
176	Kiên Giang	Trung Tâm Y tế Huyện An Minh	91009	Trung Tâm Y tế huyện An Minh	91009	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	240	30	90	120	3.580	859.200
177	Kiên Giang	Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Thuận	91010	Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Thuận	91010	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	540	180	180	180	3.580	1.933.200
178	Kiên Giang	Trung tâm y tế Thành phố Phú Quốc	91011	Trung tâm Y tế Thành phố Phú Quốc	91011	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	1.440	720	720	0	3.580	5.155.200
179	Kiên Giang	Trung tâm Y Tế huyện Kiên Lương	91013	Trung tâm y tế huyện Kiên Lương	91013	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	1.110	360	360	390	3.580	3.973.800
180	Kiên Giang	Trung tâm y tế Tp. Rạch Giá Kiên Giang	91101	Trung tâm Y tế Tp. Rạch Giá Kiên Giang	91101	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	1.320	600	630	90	3.580	4.725.600
181	Kon Tum	Bệnh viện đa khoa tỉnh Kon Tum	62001	Bệnh viện đa khoa tỉnh Kon Tum	62001	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	4.920	1.740	1.800	1.380	3.580	17.613.600
182	Kon Tum	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh	62152	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh	62152	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	12.750	4.470	4.500	3.780	3.580	45.645.000
183	Khánh Hòa	Trung tâm Y tế thị xã Ninh Hòa	56003	Trung tâm Y tế thị xã Ninh Hòa	56003	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	7.230	2.730	2.700	1.800	3.580	25.883.400

ST T	Tỉnh	Tên CSYT ký hợp đồng (CSYT cha)	Mã KCB CSYT ký hợp đồng	Tên CSYT cấp thuốc trên công BHYT	Mã CSYT cấp thuốc trên công BHYT	Tên thuốc	Tên hoạt chất, hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Nhóm thuốc	Tổng số	Nhu cầu phân bổ			Đơn giá (VND/viên)	Thành tiền (VND)
												Đợt 1	Đợt 2	Đợt 3		
184	Khánh Hòa	Trung tâm Y tế huyện Diên Khánh	56004	Trung tâm y tế huyện Diên Khánh	56004	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	1.440	450	450	540	3.580	5.155.200
185	Khánh Hòa	Trung tâm Y tế Thành phố Nha Trang	56162	Trung tâm Y tế Thành phố Nha Trang	56008	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	7.440	2.580	2.700	2.160	3.580	26.635.200
186	Khánh Hòa	Trung tâm Y tế huyện Cam Lâm	56158	Trung tâm Y tế huyện Cam Lâm	56158	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	3.750	1.200	1.260	1.290	3.580	13.425.000
187	Khánh Hòa	Trung tâm Y tế thành phố Cam Ranh	56005	Phòng khám ngoại trú - Trung tâm Y tế thành phố Cam Ranh	56192	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	19.080	6.360	6.390	6.330	3.580	68.306.400
188	Khánh Hòa	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Khánh Hòa	56195	Phòng khám Chuyên khoa HIV/AIDS	56195	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	7.320	2.340	2.430	2.550	3.580	26.205.600
189	Lai Châu	Trung tâm y tế huyện Tân Uyên	12101	Trung tâm y tế huyện Tân Uyên	12101	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	630	180	180	270	3.580	2.255.400
190	Lạng Sơn	Bệnh viện đa khoa tỉnh Lạng Sơn	20003	Bệnh viện đa khoa tỉnh Lạng Sơn	20003	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	17.820	5.940	5.940	5.940	3.580	63.795.600
191	Lạng Sơn	Trung Tâm Y tế huyện Tràng Định	20006	Trung tâm y tế huyện Tràng Định	20006	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	2.910	240	90	2.580	3.580	10.417.800

ST T	Tỉnh	Tên CSYT ký hợp đồng (CSYT cha)	Mã KCB CSYT ký hợp đồng	Tên CSYT cấp thuốc trên công BHYT	Mã CSYT cấp thuốc trên công BHYT	Tên thuốc	Tên hoạt chất, hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Nhóm thuốc	Tổng số	Nhu cầu phân bổ			Đơn giá (VND/viên)	Thành tiền (VND)
												Đợt 1	Đợt 2	Đợt 3		
192	Lạng Sơn	Trung tâm y tế huyện Văn Lãng	20008	Trung tâm y tế huyện Văn Lãng	20008	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	810	270	270	270	3.580	2.899.800
193	Lạng Sơn	Trung tâm y tế huyện Lộc Bình	20012	Trung tâm y tế huyện Lộc Bình	20012	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	3.210	1.380	1.800	30	3.580	11.491.800
194	Lạng Sơn	Trung tâm Y tế huyện Hữu Lũng	20016	Trung tâm Y tế huyện Hữu Lũng	20016	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	2.370	1.020	900	450	3.580	8.484.600
195	Lào Cai	Bệnh viện đa khoa tỉnh Lào Cai	10061	Bệnh viện đa khoa tỉnh Lào Cai	10061	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	2.250	900	900	450	3.580	8.055.000
196	Lâm Đồng	Bệnh viện đa khoa tỉnh Lâm Đồng	68001	Bệnh viện đa khoa tỉnh Lâm Đồng	68001	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	3.900	1.920	1.800	180	3.580	13.962.000
197	Lâm Đồng	Trung tâm y tế huyện Đức Trọng	68440	Trung Tâm Y Tế Huyện Đức Trọng	68440	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	3.510	1.710	1.800		3.580	12.565.800
198	Lâm Đồng	BV II Lâm Đồng	68650	BV II Lâm Đồng	68650	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	16.290	5.520	5.400	5.370	3.580	58.318.200
199	Long An	Bệnh viện đa khoa Long An	80001	Bệnh viện Đa khoa Long An	80001	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	540	180	180	180	3.580	1.933.200

ST T	Tỉnh	Tên CSYT ký hợp đồng (CSYT cha)	Mã KCB CSYT ký hợp đồng	Tên CSYT cấp thuốc trên công BHYT	Mã CSYT cấp thuốc trên công BHYT	Tên thuốc	Tên hoạt chất, hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Nhóm thuốc	Tổng số	Nhu cầu phân bổ			Đơn giá (VND/viên)	Thành tiền (VND)
												Đợt 1	Đợt 2	Đợt 3		
200	Long An	Trung tâm y tế huyện Thủ Thừa	80003	Trung tâm y tế huyện Thủ Thừa	80003	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	1.440	450	450	540	3.580	5.155.200
201	Long An	Trung Tâm Y tế Huyện Bến Lức	80004	Trung tâm y tế huyện Bến Lức	80004	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	2.940	840	870	1.230	3.580	10.525.200
202	Long An	Trung tâm Y tế huyện Cần Đước	80006	Trung tâm Y tế huyện Cần Đước	80006	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	2.430	900	900	630	3.580	8.699.400
203	Long An	BỆNH VIỆN ĐA KHOA KHU VỰC HẬU NGHĨA	80007	Bệnh viện đa khoa khu vực Hậu Nghĩa	80007	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	1.680	510	540	630	3.580	6.014.400
204	Long An	Trung tâm y tế huyện Châu Thành	80010	Trung tâm y tế huyện Châu Thành	80010	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	990	450	450	90	3.580	3.544.200
205	Nam Định	Trung tâm y tế huyện Trực Ninh	36011	Trung tâm y tế huyện Trực Ninh	36011	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	270	90	90	90	3.580	966.600
206	Nam Định	Trung tâm Y tế huyện Nam Trực	36016	Trung tâm Y tế huyện Nam Trực	36016	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	810	270	270	270	3.580	2.899.800
207	Nam Định	Bệnh viện đa khoa huyện Hải Hậu	36017	Bệnh viện đa khoa huyện Hải Hậu	36017	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	9.450	3.150	3.150	3.150	3.580	33.831.000

ST T	Tỉnh	Tên CSYT ký hợp đồng (CSYT cha)	Mã KCB CSYT ký hợp đồng	Tên CSYT cấp thuốc trên công BHYT	Mã CSYT cấp thuốc trên công BHYT	Tên thuốc	Tên hoạt chất, hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Nhóm thuốc	Tổng số	Nhu cầu phân bổ			Đơn giá (VND/viên)	Thành tiền (VND)
												Đợt 1	Đợt 2	Đợt 3		
208	Nam Định	Trung tâm y tế huyện Xuân Trường	36022	Trung tâm y tế huyện Xuân Trường	36022	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	7.650	2.520	2.520	2.610	3.580	27.387.000
209	Nam Định	Trung tâm y tế huyện Giao Thủy	36025	Trung tâm y tế huyện Giao Thủy	36025	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	7.740	2.520	2.520	2.700	3.580	27.709.200
210	Nam Định	Trung tâm y tế huyện Nghĩa Hưng	36028	Trung tâm y tế huyện Nghĩa Hưng	36028	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	2.700	900	900	900	3.580	9.666.000
211	Nam Định	Trung tâm Y tế huyện Ý Yên	36032	Trung tâm Y tế huyện Ý Yên	36032	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	2.700	900	900	900	3.580	9.666.000
212	Nam Định	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nam Định	36060	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nam Định	36060	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	13.500	4.500	4.500	4.500	3.580	48.330.000
213	Ninh Bình	Trung tâm Y tế Thành phố Ninh Bình	37103	Trung tâm y tế Thành phố Ninh Bình	37103	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	6.750	2.250	2.250	2.250	3.580	24.165.000
214	Ninh Thuận	Trung tâm Y tế Huyện Ninh Phước	58002	Trung tâm y tế Huyện Ninh Phước	58002	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	8.250	1.920	1.800	4.530	3.580	29.535.000
215	Ninh Thuận	Trung tâm Y tế huyện Ninh Hải	58004	Trung tâm Y tế huyện Ninh Hải	58004	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	1.560	720	720	120	3.580	5.584.800

ST T	Tỉnh	Tên CSYT ký hợp đồng (CSYT cha)	Mã KCB CSYT ký hợp đồng	Tên CSYT cấp thuốc trên công BHYT	Mã CSYT cấp thuốc trên công BHYT	Tên thuốc	Tên hoạt chất, hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Nhóm thuốc	Tổng số	Nhu cầu phân bổ			Đơn giá (VND/viên)	Thành tiền (VND)
												Đợt 1	Đợt 2	Đợt 3		
216	Ninh Thuận	Trung tâm Y tế huyện Thuận Bắc	58012	Trung tâm Y tế huyện Thuận Bắc	58012	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	1.350	450	450	450	3.580	4.833.000
217	Ninh Thuận	Trung tâm Y tế huyện Ninh Sơn	58082	Trung tâm Y tế huyện Ninh Sơn	58082	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	3.690	930	900	1.860	3.580	13.210.200
218	Ninh Thuận	Trung tâm Y tế thành phố Phan Rang - Tháp Chàm	58083	Phòng khám đa khoa Trung tâm Y tế thành phố Phan Rang - Tháp Chàm	58083	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	8.820	3.510	3.510	1.800	3.580	31.575.600
219	Nghệ An	Bệnh viện đa khoa Diễn Châu	40007	Bệnh viện đa khoa Diễn Châu	40007	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	720	360	360		3.580	2.577.600
220	Nghệ An	Trung Tâm Y Tế Huyện Tương Dương	40014	Trung Tâm Y Tế Huyện Tương Dương	40014	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	900	360	360	180	3.580	3.222.000
221	Nghệ An	Bệnh Viện Đa Khoa Thành Phố Vinh	40019	Bệnh Viện Đa Khoa Thành Phố Vinh	40019	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	1.410	510	540	360	3.580	5.047.800
222	Phú Thọ	BVĐK tỉnh Phú Thọ	25001	BVĐK tỉnh Phú Thọ	25001	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	810	180	180	450	3.580	2.899.800
223	Phú Thọ	bệnh viện đa khoa thị xã phú thọ	25002	Bệnh viện đa khoa thị xã Phú Thọ	25002	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	13.500	4.500	4.500	4.500	3.580	48.330.000

ST T	Tỉnh	Tên CSYT ký hợp đồng (CSYT cha)	Mã KCB CSYT ký hợp đồng	Tên CSYT cấp thuốc trên công BHYT	Mã CSYT cấp thuốc trên công BHYT	Tên thuốc	Tên hoạt chất, hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Nhóm thuốc	Tổng số	Nhu cầu phân bổ			Đơn giá (VND/viên)	Thành tiền (VND)
												Đợt 1	Đợt 2	Đợt 3		
224	Phú Yên	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Phú Yên	54117	Phòng khám Chuyên khoa HIV/AIDS và điều trị nghiện chất	54117	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	26.010	9.120	9.000	7.890	3.580	93.115.800
225	Quảng Bình	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Bình	44417	PHÒNG KHÁM ĐA KHOA THUỐC TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH QUẢNG BÌNH	44417	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	3.690	1.170	1.170	1.350	3.580	13.210.200
226	Quảng Nam	Bệnh viện Đa khoa Quảng Nam	49001	Bệnh viện Đa khoa Quảng Nam	49001	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	3.960	1.350	1.350	1.260	3.580	14.176.800
227	Quảng Nam	Bệnh viện phụ sản - Nhi Quảng Nam	49112	Bệnh viện Phụ sản - Nhi tỉnh Quảng Nam	49112	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	1.620	540	540	540	3.580	5.799.600
228	Quảng Ninh	Bệnh viện Đa khoa Cẩm Phả	22007	Bệnh viện Đa khoa Cẩm Phả	22007	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	360	0	90	270	3.580	1.288.800
229	Quảng Ninh	Trung tâm Y tế thành phố Đông Triều	22015	Trung tâm Y tế thành phố Đông Triều	22015	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	540	180	180	180	3.580	1.933.200
230	Quảng Ninh	Trung tâm y tế thị xã Quảng Yên	22017	Trung tâm y tế thị xã Quảng Yên	22017	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	480	150	90	240	3.580	1.718.400

ST T	Tỉnh	Tên CSYT ký hợp đồng (CSYT cha)	Mã KCB CSYT ký hợp đồng	Tên CSYT cấp thuốc trên công BHYT	Mã CSYT cấp thuốc trên công BHYT	Tên thuốc	Tên hoạt chất, hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Nhóm thuốc	Tổng số	Nhu cầu phân bổ			Đơn giá (VND/viên)	Thành tiền (VND)
												Đợt 1	Đợt 2	Đợt 3		
231	Quảng Ninh	Bệnh viện Đa khoa Hạ Long	22020	Bệnh Viện Đa Khoa Hạ Long	22020	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	6.360	2.250	2.250	1.860	3.580	22.768.800
232	Quảng Ninh	Trung tâm Y tế huyện Vân Đồn	22021	Trung tâm Y tế huyện Vân Đồn	22021	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	1.080	360	360	360	3.580	3.866.400
233	Quảng Ninh	Trung tâm Y tế huyện Tiên Yên	22022	Trung tâm Y tế huyện Tiên Yên	22022	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	390	120	90	180	3.580	1.396.200
234	Quảng Ninh	Trung tâm Y tế thành phố Móng Cái	22027	Trung tâm Y tế thành phố Móng Cái	22027	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	1.170	270	360	540	3.580	4.188.600
235	Quảng Ninh	Bệnh viện Việt Nam-Thụy Điển Uông Bí	22030	Bệnh viện Việt Nam-Thụy Điển Uông Bí	22030	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	1.170	450	450	270	3.580	4.188.600
236	Quảng Ninh	Trung tâm Y tế thành phố Hạ Long	22031	Phòng khám đa khoa Trung Tâm - Trung tâm y tế thành phố Hạ Long	22031	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	1.080	360	360	360	3.580	3.866.400
237	Quảng Ninh	Bệnh viện Đa khoa khu vực Cẩm Phả	22095	Bệnh viện Đa khoa khu vực Cẩm Phả	22095	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	630	270	270	90	3.580	2.255.400
238	Quảng Ngãi	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ngãi	51224	Phòng khám, điều trị HIV/AIDS	51224	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	68.700	23.340	22.680	22.680	3.580	245.946.000

ST T	Tỉnh	Tên CSYT ký hợp đồng (CSYT cha)	Mã KCB CSYT ký hợp đồng	Tên CSYT cấp thuốc trên công BHYT	Mã CSYT cấp thuốc trên công BHYT	Tên thuốc	Tên hoạt chất, hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Nhóm thuốc	Tổng số	Nhu cầu phân bổ			Đơn giá (VND/viên)	Thành tiền (VND)
												Đợt 1	Đợt 2	Đợt 3		
239	Quảng Trị	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh	45092	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh	45092	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	31.320	10.440	10.440	10.440	3.580	112.125.600
240	Sóc Trăng	Bệnh viện đa khoa tỉnh Sóc Trăng	94001	Bệnh viện đa khoa tỉnh Sóc Trăng	94001	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	6.750	2.250	2.250	2.250	3.580	24.165.000
241	Tây Ninh	Trung tâm Y tế Thị xã Hòa Thành	72002	Trung tâm Y tế Thị xã Hòa Thành	72002	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	2.094	762	732	600	3.580	7.496.520
242	Tây Ninh	Trung tâm Y tế Thị xã Trảng Bàng	72004	Trung tâm Y tế Thị xã Trảng Bàng	72004	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	51.210	17.970	18.060	15.180	3.580	183.331.800
243	Tiền Giang	Bệnh viện Đa khoa khu vực Gò Công	82002	BVĐKKV GÒ CÔNG	82002	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	15.270	4.830	5.040	5.400	3.580	54.666.600
244	Tiền Giang	Bệnh viện Đa khoa khu vực Cai Lậy	82003	Bệnh viện Đa khoa khu vực Cai Lậy	82003	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	19.260	6.210	6.480	6.570	3.580	68.950.800
245	Tiền Giang	TTKSBT tỉnh Tiền Giang	82215	Phòng khám, điều trị HIV/AIDS thuộc Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Tiền Giang	82215	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	84.720	27.480	28.260	28.980	3.580	303.297.600
246	Thái Bình	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thái Bình	34001	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thái Bình	34001	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	2.910	1.350	1.350	210	3.580	10.417.800

ST T	Tỉnh	Tên CSYT ký hợp đồng (CSYT cha)	Mã KCB CSYT ký hợp đồng	Tên CSYT cấp thuốc trên công BHYT	Mã CSYT cấp thuốc trên công BHYT	Tên thuốc	Tên hoạt chất, hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Nhóm thuốc	Tổng số	Nhu cầu phân bổ			Đơn giá (VND/viên)	Thành tiền (VND)
												Đợt 1	Đợt 2	Đợt 3		
247	Thái Bình	Bệnh viện đa khoa Thành phố Thái bình	34002	Bệnh viện Đa khoa Thành Phố Thái Bình	34002	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	4.770	3.000	1.770	0	3.580	17.076.600
248	Thái Bình	Bệnh viện Đa khoa huyện vũ thư	34003	Bệnh viện Đa khoa huyện Vũ Thư	34003	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	21.150	6.450	6.300	8.400	3.580	75.717.000
249	Thái Bình	Bệnh viện Đa khoa kiến xương	34004	Bệnh viện Đa khoa kiến xương	34004	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	26.310	14.310	12.000	0	3.580	94.189.800
250	Thái Bình	Bệnh viện Đa khoa huyện Tiền Hải	34005	Bệnh viện Đa khoa huyện Tiền Hải	34005	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	16.350	4.890	4.710	6.750	3.580	58.533.000
251	Thái Bình	Bệnh viện đa khoa Đông Hưng	34006	Bệnh viện đa khoa Đông Hưng	34006	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	28.020	9.000	14.070	4.950	3.580	100.311.600
252	Thái Bình	Bệnh viện đa khoa Quỳnh Phụ	34007	Bệnh viện đa khoa Quỳnh Phụ	34007	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	10.110	3.150	4.620	2.340	3.580	36.193.800
253	Thái Bình	Bệnh viện Đa khoa Hưng Hà	34008	Bệnh viện Đa khoa Hưng Hà	34008	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	18.360	6.000	4.800	7.560	3.580	65.728.800
254	Thái Bình	Bệnh viện Đa khoa Thái Thụy	34009	Bệnh viện Đa khoa Thái Thụy	34009	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	10.230	3.720	3.720	2.790	3.580	36.623.400

ST T	Tỉnh	Tên CSYT ký hợp đồng (CSYT cha)	Mã KCB CSYT ký hợp đồng	Tên CSYT cấp thuốc trên công BHYT	Mã CSYT cấp thuốc trên công BHYT	Tên thuốc	Tên hoạt chất, hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Nhóm thuốc	Tổng số	Nhu cầu phân bổ			Đơn giá (VND/viên)	Thành tiền (VND)
												Đợt 1	Đợt 2	Đợt 3		
255	Thái Bình	Bệnh viện Nhi tỉnh	34321	Bệnh viện Nhi tỉnh	34321	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	1.920	630	450	840	3.580	6.873.600
256	Thái Nguyên	Trung tâm y tế thành phố Thái Nguyên	19001	Trung tâm y tế thành phố Thái Nguyên	19001	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	8.070	2.670	2.700	2.700	3.580	28.890.600
257	Thái Nguyên	Bệnh viện đa khoa huyện Định Hóa	19003	Bệnh viện đa khoa huyện Định Hóa	19003	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	480	180	180	120	3.580	1.718.400
258	Thái Nguyên	TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN PHÚ LƯƠNG	19004	TTYT Phú Lương	19004	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	270	90	90	90	3.580	966.600
259	Thái Nguyên	Trung tâm Y tế huyện Đồng Hỷ	19005	Trung tâm Y tế huyện Đồng Hỷ	19005	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	2.400	870	900	630	3.580	8.592.000
260	Thái Nguyên	Bệnh viện Đa khoa huyện Đại Từ	19007	Bệnh viện Đa khoa huyện Đại Từ	19007	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	1.796	807	809	180	3.580	6.429.680
261	Thái Nguyên	Bệnh viện Đa khoa huyện Phú Bình	19009	Bệnh viện Đa khoa huyện Phú Bình	19009	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	3.060	900	900	1.260	3.580	10.954.800
262	Thái Nguyên	Bệnh viện A Thái Nguyên	19012	Bệnh viện A Thái Nguyên	19012	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	270	90	90	90	3.580	966.600

ST T	Tỉnh	Tên CSYT ký hợp đồng (CSYT cha)	Mã KCB CSYT ký hợp đồng	Tên CSYT cấp thuốc trên công BHYT	Mã CSYT cấp thuốc trên công BHYT	Tên thuốc	Tên hoạt chất, hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Nhóm thuốc	Tổng số	Nhu cầu phân bổ			Đơn giá (VND/viên)	Thành tiền (VND)
												Đợt 1	Đợt 2	Đợt 3		
263	Thanh Hóa	Bệnh viện Đa khoa thành phố Thanh Hoá	38010	Bệnh viện Đa khoa thành phố Thanh Hoá	38010	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	2.970	870	900	1.200	3.580	10.632.600
264	Thanh Hóa	Bệnh viện đa khoa khu vực Ngọc Lặc	38090	Bệnh viện đa khoa khu vực Ngọc Lặc	38090	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	4.500	1.350	1.350	1.800	3.580	16.110.000
265	Thanh Hóa	Bệnh viện Đa khoa huyện Hà Trung	38180	Bệnh viện Đa khoa huyện Hà Trung	38180	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	300	90	90	120	3.580	1.074.000
266	Thanh Hóa	Bệnh Viện Đa Khoa Huyện Quảng Xương	38220	Bệnh Viện Đa Khoa Huyện Quảng Xương	38220	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	180	180	0		3.580	644.400
267	Thừa Thiên Huế	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thừa Thiên Huế	46211	Phòng khám chuyên khoa và điều trị nghiện chất - Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thừa Thiên Huế	46211	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	47.540	11.110	11.110	25.320	3.580	170.193.200
268	Trà Vinh	Bệnh viện đa khoa tỉnh Trà Vinh	84-001	Bệnh viện đa khoa tỉnh Trà Vinh	84001	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	8.040	2.640	2.700	2.700	3.580	28.783.200
269	Vĩnh Long	Bệnh viện đa khoa Vĩnh Long	86001	Bệnh viện đa khoa Vĩnh Long	86001	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	87.030	32.370	32.700	21.960	3.580	311.567.400
270	Vĩnh Long	TTYT Thị xã Bình Minh	86032	TTYT Thị xã Bình Minh	86032	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	25.380	8.580	9.000	7.800	3.580	90.860.400

ST T	Tỉnh	Tên CSYT ký hợp đồng (CSYT cha)	Mã KCB CSYT ký hợp đồng	Tên CSYT cấp thuốc trên công BHYT	Mã CSYT cấp thuốc trên công BHYT	Tên thuốc	Tên hoạt chất, hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Nhóm thuốc	Tổng số	Nhu cầu phân bổ			Đơn giá (VND/viên)	Thành tiền (VND)
												Đợt 1	Đợt 2	Đợt 3		
271	Vĩnh Long	Trung tâm Y tế huyện Tam Bình	86049	Trung tâm Y tế huyện Tam Bình	86049	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	6.330	2.280	2.550	1.500	3.580	22.661.400
272	Vĩnh Long	Trung Tâm Y Tế huyện Trà Ôn	86066	Trung Tâm Y Tế huyện Trà Ôn	86066	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	22.780	8.970	9.070	4.740	3.580	81.552.400
273	Vĩnh Phúc	Trung tâm y tế huyện Sông Lô	26003	Trung tâm Y tế huyện Sông Lô	26003	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	3.300	900	900	1.500	3.580	11.814.000
274	Yên Bái	Trung tâm y tế Thành phố Yên Bái	15104	Trung tâm y tế Thành phố Yên Bái	15104	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	68.160	22.800	22.770	22.590	3.580	244.012.800
275	Yên Bái	Trung tâm Y tế huyện Văn Yên	15301	Trung tâm Y tế huyện Văn Yên	15301	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	23.220	7.740	7.740	7.740	3.580	83.127.600
276	Yên Bái	Trung tâm y tế huyện Mù Cang Chải	15501	Trung tâm y tế huyện Mù Cang Chải	15501	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	3.240	1.080	1.080	1.080	3.580	11.599.200
277	Yên Bái	Trung tâm y tế huyện Văn Chấn	15601	Trung tâm y tế huyện Văn Chấn	15601	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	1.890	900	90	900	3.580	6.766.200
278	Yên Bái	Trung tâm y tế huyện Trấn Yên	15701	Trung tâm y tế huyện Trấn Yên	15701	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	17.700	5.880	5.940	5.880	3.580	63.366.000

ST T	Tỉnh	Tên CSYT ký hợp đồng (CSYT cha)	Mã KCB CSYT ký hợp đồng	Tên CSYT cấp thuốc trên công BHYT	Mã CSYT cấp thuốc trên công BHYT	Tên thuốc	Tên hoạt chất, hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Nhóm thuốc	Tổng số	Nhu cầu phân bổ			Đơn giá (VND/viên)	Thành tiền (VND)
												Đợt 1	Đợt 2	Đợt 3		
279	Yên Bái	Trung tâm Y tế huyện Trạm Tấu	15801	Trung tâm y tế huyện Trạm Tấu	15801	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	810	270	270	270	3.580	2.899.800
280	Yên Bái	Bệnh viện Đa khoa khu vực Nghĩa Lộ	15901	Bệnh viện Đa khoa khu vực Nghĩa Lộ	15901	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	48.060	16.020	16.020	16.020	3.580	172.054.800
281	Bạc Liêu	Trung tâm Y tế thành phố Bạc Liêu	95033	Trung tâm Y tế thành phố Bạc Liêu	95033	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	900			900	3.580	3.222.000
282	Hà Nội	Trung tâm Y tế Quận Hoàng Mai	01808	Phòng khám đa khoa Linh Đàm trực thuộc Trung tâm y tế quận Hoàng Mai	01045	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	540			540	3.580	1.933.200
283	Hà Nội	Bệnh viện Đại học Y Hà Nội	01934	Bệnh viện Đại học Y Hà Nội	01934	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	630			630	3.580	2.255.400
284	Lai Châu	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Lai Châu	12143	Phòng khám đa khoa thuộc Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Lai Châu	12143	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	240			240	3.580	859.200
285	Thanh Hóa	Bệnh viện đa khoa huyện Thạch Thành	38110	Bệnh viện đa khoa huyện Thạch Thành	38110	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	120			120	3.580	429.600
286	Thanh Hóa	Bệnh viện đa khoa Thiệu Hóa	38240	Bệnh viện đa khoa huyện Thiệu Hóa	38240	Efavirenz/ Lamivudine/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	120			120	3.580	429.600

PHỤ LỤC 3: PHẠM VI CHI TIẾT CHO TỪNG CƠ SỞ Y TẾ ĐỂ XEM XÉT VIỆC CUNG ỨNG SAU GIAI ĐOẠN 01
(Kèm theo Quyết định số 63/QĐ-TTMS ngày 21 tháng 03 năm 2025 của Giám đốc Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia)

ST T	Tỉnh	Tên CSYT ký hợp đồng (CSYT cha)	Mã KCB CSYT ký hợp đồng	Tên CSYT cấp thuốc trên công BHYT	Mã CSYT cấp thuốc trên công BHYT	Tên thuốc	Tên hoạt chất, hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Nhóm thuốc	Tổng số	Nhu cầu phân bổ		
												Đợt 4	Đợt 5	Đợt 6
1	An Giang	Trung Tâm Y Tế Thành Phố Long Xuyên	89001	Trung Tâm Y Tế Thành Phố Long Xuyên	89001	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	149.670	49.800	49.920	49.950
2	An Giang	Trung Tâm Y Tế Thành Phố Châu Đốc	89002	Trung Tâm Y Tế Thành Phố Châu Đốc	89002	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	6.450	2.010	2.190	2.250
3	An Giang	Trung Tâm Y Tế Huyện An Phú	89003	Trung Tâm Y tế huyện An Phú	89003	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	35.460	12.240	11.700	11.520
4	An Giang	Bệnh viện đa khoa khu vực tân châu	89004	BVDK Khu vực Tân Châu	89004	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	117.330	39.060	39.120	39.150
5	An Giang	TTYTH PHÚ TÂN	89005	TTYT H. Phú Tân	89005	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	22.410	7.830	7.380	7.200
6	An Giang	Trung tâm y tế thị xã Tịnh Biên	89006	Trung tâm y tế thị xã Tịnh Biên	89006	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	156.510	52.110	52.200	52.200

7	An Giang	Trung Tâm Y tế huyện Châu Phú	89008	TTYT H. Châu Phú	89008	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	12.600	6.300	3.600	2.700
8	An Giang	Trung Tâm Y tế huyện Chợ Mới	89009	TTYT huyện Chợ Mới	89009	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	57.030	20.430	18.600	18.000
9	An Giang	Trung tâm y tế huyện Thoại Sơn	89011	TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN THOẠI SƠN	89011	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	12.300	5.430	3.720	3.150
10	An Giang	Bệnh Viện Đa Khoa trung tâm An Giang	89012	Bệnh Viện Đa Khoa trung tâm An Giang	89012	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	18.000	9.360	5.040	3.600
11	Bà Rịa - Vũng Tàu	Bệnh viện Vũng Tàu	77001	Bệnh Viện Vũng Tàu	77001	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	22.770	7.380	7.650	7.740
12	Bà Rịa - Vũng Tàu	Bệnh viện Bà Rịa	77003	Bệnh viện Bà Rịa	77003	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	44.460	15.390	14.670	14.400

13	Bà Rịa - Vũng Tàu	Trung tâm y tế Thành phố Vũng Tàu	77004	Trung tâm y tế Thành phố Vũng Tàu	77004	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	55.020	18.250	18.370	18.400
14	Bà Rịa - Vũng Tàu	Trung tâm Y tế huyện Long Đất	77005	Trung tâm Y tế huyện Long Đất	77005	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	56.430	18.690	18.840	18.900
15	Bà Rịa - Vũng Tàu	Trung tâm y tế huyện Xuyên Mộc	77006	Trung tâm y tế huyện Xuyên Mộc	77006	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	4.770	2.550	1.320	900
16	Bà Rịa - Vũng Tàu	Trung tâm y tế thị xã Phú Mỹ	77007	Trung tâm y tế thị xã Phú Mỹ	77007	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	35.040	9.810	16.230	9.000
17	Bạc Liêu	Trung tâm y tế huyện Hòa Bình	95003	Trung tâm Y tế huyện Hòa Bình	95003	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	1.260	360	450	450
18	Bạc Liêu	Trung tâm Y tế thị xã Giá Rai	95004	Trung tâm Y tế thị xã Giá Rai	95004	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	2.520	750	870	900

19	Bạc Liêu	Trung tâm y tế Huyện Hồng Dân	95005	Trung tâm y tế Huyện Hồng Dân	95005	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	0			
20	Bạc Liêu	Trung tâm Y tế huyện Phước Long	95006	Trung tâm Y tế huyện Phước Long	95006	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	810	270	270	270
21	Bạc Liêu	Trung tâm Y tế huyện Đông Hải	95007	Trung tâm Y tế huyện Đông Hải	95007	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	2.070	630	720	720
22	Bạc Liêu	Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Lợi	95035	Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Lợi	95035	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	1.350	450	450	450
23	Bạc Liêu	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Bạc Liêu	95079	Phòng khám đa khoa thuộc Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Bạc Liêu	95079	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	55.230	18.990	18.240	18.000
24	Bắc Giang	Trung tâm Y tế huyện Lạng Giang	24008	Trung tâm Y tế huyện Lạng Giang	24008	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	5.400	1.800	1.800	1.800

25	Bắc Giang	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Bắc Giang	24280	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Bắc Giang	24280	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	40.500	13.500	13.500	13.500
26	Bắc Kạn	Bệnh viện đa khoa tỉnh	06001	Bệnh viện đa khoa tỉnh	06001	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	270	90	90	90
27	Bắc Kạn	Trung tâm Y tế Huyện Bạch Thông	06003	Trung Tâm Y tế Huyện Bạch Thông	06003	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	810	270	270	270
28	Bắc Kạn	Trung Tâm Y Tế Huyện Chợ Đồn	06004	Trung Tâm Y Tế Huyện Chợ Đồn	06004	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	5.400	2.550	2.310	540
29	Bắc Kạn	Trung tâm y tế Huyện Na Rì	06006	Trung tâm y tế Huyện Na Rì	06006	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	270	90	90	90
30	Bắc Kạn	Trung tâm Y tế huyện Chợ Mới	06007	TTYT H Chợ Mới	06007	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	0			

31	Bắc Kạn	TTYT H Pác Nặm	06031	TTYT H Pác Nặm	06031	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	2.700	840	930	930
32	Bắc Kạn	TTYT TP Bắc Kạn	06033	TTYT TP Bắc Kạn	06033	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	2.700	900	900	900
33	Bắc Ninh	Trung tâm y tế Thị Xã Quế Võ	27008	Trung tâm y tế Thị Xã Quế Võ	27008	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	1.350	450	450	450
34	Bến Tre	Bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu	83009	Bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu	83009	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	275.100	90.000	90.000	95.100
35	Bến Tre	Bệnh viện đa khoa khu vực Ba Tri	83100	Bệnh viện đa khoa khu vực Ba Tri	83100	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	5.220	1.650	1.770	1.800
36	Bến Tre	Bệnh viện đa khoa khu vực Cù Lao Minh	83600	Bệnh viện đa khoa khu vực Cù Lao Minh	83600	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	4.050	1.350	1.350	1.350

37	Bình Dương	Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Dương	74001	Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Dương	74001	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	4.890	1.770	1.590	1.530
38	Bình Dương	Trung tâm y tế thành phố Thủ Dầu Một	74008	Phòng khám đa khoa - Nhà hộ sinh thuộc Trung tâm y tế thành phố Thủ Dầu Một	74008	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	152.250	49.980	50.970	51.300
39	Bình Dương	Trung Tâm Y Tế Thành Phố Dĩ An	74028	Trung Tâm Y Tế Thành Phố Dĩ An	74028	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	93.900	31.020	31.380	31.500
40	Bình Dương	Trung tâm Y tế Thành Phố Thuận An	74039	Trung tâm Y tế Thành Phố Thuận An	74039	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	79.200	27.570	26.070	25.560
41	Bình Dương	Trung Tâm Y Tế Thành phố Bến Cát	74050	Trung Tâm Y Tế Thành phố Bến Cát	74050	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	102.600	34.200	34.200	34.200
42	Bình Dương	Trung Tâm Y Tế thành phố Tân Uyên	74066	Trung Tâm Y Tế thành phố Tân Uyên	74066	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	51.750	17.460	17.190	17.100

43	Bình Dương	Trung tâm y tế Huyện Phú Giáo	74089	Trung Tâm Y Tế Huyện Phú Giáo	74089	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	6.750	2.250	2.250	2.250
44	Bình Dương	TTYT Huyện Dầu Tiếng	74102	TTYT Huyện Dầu Tiếng	74102	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	12.150	4.050	4.050	4.050
45	Bình Dương	Trung tâm y tế Huyện Bắc Tân Uyên	74201	Trung tâm y tế Huyện Bắc Tân Uyên	74201	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	1.260	360	450	450
46	Bình Dương	Trung tâm y tế huyện Bàu Bàng	74202	Trung tâm y tế huyện Bàu Bàng	74202	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	6.570	2.100	2.220	2.250
47	Bình Phước	BVĐK tỉnh Bình Phước	70001	BVĐK tỉnh Bình Phước	70001	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	62.970	20.640	21.090	21.240
48	Bình Phước	Trung Tâm Y Tế Thị Xã Chơn Thành	70008	Trung Tâm Y Tế Thị Xã Chơn Thành	70008	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	34.500	11.220	11.580	11.700

49	Bình Thuận	Trung tâm Y tế Tánh Linh	60013	Trung tâm y tế Tánh Linh	60013	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	7.020	2.340	2.340	2.340
50	Bình Thuận	Trung Tâm Y Tế Quân Dân Y Huyện Phú Quý	60016	Trung Tâm Y Tế Quân Dân Y Huyện Phú Quý	60016	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	2.880	960	960	960
51	Bình Thuận	Trung tâm Y tế Hàm Tân	60019	Trung tâm y tế Hàm Tân	60019	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	4.050	1.350	1.350	1.350
52	Bình Thuận	Trung Tâm Kiểm soát Bệnh tật tỉnh Bình Thuận	60167	Trung Tâm Kiểm soát Bệnh tật tỉnh Bình Thuận	60167	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	83.670	27.510	27.990	28.170
53	Bình Thuận	Trung tâm y tế huyện Đức Linh	60214	Trung tâm y tế huyện Đức Linh	60214	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	1.470	540	480	450
54	Bình Thuận	Trung tâm y tế Thị xã La Gi	60170	Trung tâm y tế La Gi	60170	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	1.350	450	450	450

55	Bình Thuận	Trung Tâm Y tế Bắc Bình	60171	Trung tâm y tế Bắc Bình	60171	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	9.630	3.150	3.240	3.240
56	Cà Mau	Bệnh viện đa khoa Cà Mau	96001	Bệnh viện đa khoa Cà Mau	96001	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	1.440	360	540	540
57	Cà Mau	Bệnh viện đa khoa thành phố Cà Mau	96002	Bệnh viện đa khoa thành phố Cà Mau	96002	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	0			
58	Cà Mau	Bệnh viện đa khoa Trần Văn Thời	96014	Bệnh viện đa khoa Trần Văn Thời	96014	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	11.850	3.810	3.990	4.050
59	Cao Bằng	TTYT Thành Phố Cao Bằng	04001	TTYT Thành Phố Cao Bằng	04001	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	1.290	390	450	450
60	Cao Bằng	Trung tâm Y tế huyện Nguyên Bình	04007	Trung tâm Y tế huyện Nguyên Bình	04007	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	540	180	180	180

61	Cao Bằng	TTYT huyện Hà Lang	04011	TTYT huyện Hà Lang	04011	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	270	90	90	90
62	Cần Thơ	Bệnh viện Quân Y 121	92002	Bệnh viện Quân Y 121	92002	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	1.080	360	360	360
63	Cần Thơ	Bệnh Viện Đa Khoa Thành Phố Cần Thơ	92004	Bệnh viện Đa khoa thành phố Cần Thơ	92004	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	8.100	2.700	2.700	2.700
64	Cần Thơ	Trung tâm Y tế quận Bình Thủy	92005	Trung tâm Y tế quận Bình Thủy	92005	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	1.350	450	450	450
65	Cần Thơ	Trung tâm Y tế quận Cái Răng	92006	Trung tâm Y tế quận Cái Răng	92006	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	1.080	360	360	360
66	Cần Thơ	Bệnh viện đa khoa quận Ô Môn	92007	Bệnh viện đa khoa quận Ô Môn	92007	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	810	270	270	270

67	Cần Thơ	Bệnh Viện Đa Khoa Quận Thốt Nốt	92010	Bệnh viện Đa Khoa quận Thốt Nốt	92010	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	4.050	1.350	1.350	1.350
68	Đà Nẵng	Trung tâm Y tế quận Thanh Khê	48004	Trung tâm Y tế quận Thanh Khê	48004	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	9.390	2.970	3.180	3.240
69	Đà Nẵng	Bệnh viện Đa Liễu thành phố Đà Nẵng	48013	Bệnh viện Đa Liễu thành phố Đà Nẵng	48013	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	8.400	3.000	2.700	2.700
70	Đà Nẵng	Trung tâm Y tế huyện Hòa Vang	48128	Trung tâm Y tế huyện Hòa Vang	48128	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	7.950	2.580	2.670	2.700
71	Đắk Lắk	Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Đắk Lắk	66242	Phòng khám chuyên khoa HIV/AIDS	66242	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	17.370	5.700	5.820	5.850
72	Đắk Nông	Trung tâm Y tế huyện Cư Jút	67011	Trung tâm Y tế H.Cư Jút	67011	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	810	270	270	270

73	Điện Biên	Trung tâm Y tế Thành phố Điện Biên Phủ	11002	Trung tâm Y tế Thành phố Điện Biên Phủ	11002	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	2.700	900	900	900
74	Điện Biên	Trung tâm y tế huyện Điện Biên	11011	Trung tâm y tế huyện Điện Biên	11011	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	2.700	900	900	900
75	Điện Biên	Trung tâm y tế Điện Biên Đông	11032	Trung tâm y tế huyện Điện Biên Đông tỉnh Điện Biên	11032	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	3.390	1.200	1.110	1.080
76	Điện Biên	Trung tâm y tế thị xã Mường Lay	11045	Trung Tâm Y Tế Thị Xã Mường Lay	11045	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	2.700	900	900	900
77	Điện Biên	Trung tâm y tế Huyện Mường Chà	11048	Trung tâm y tế Huyện Mường Chà	11048	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	810	270	270	270
78	Điện Biên	Trung tâm Y tế huyện Tủa Chùa	11060	Trung tâm Y tế huyện Tủa Chùa	11060	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	540	180	180	180

79	Điện Biên	Trung tâm y tế huyện Nậm Pồ	11061	Trung tâm y tế huyện Nậm Pồ	11061	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	540	180	180	180
80	Điện Biên	TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN MUÔNG NHÉ	11073	TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN MUÔNG NHÉ	11073	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	540	180	180	180
81	Điện Biên	Trung tâm y tế huyện Tuần Giáo	11080	Trung tâm y tế huyện Tuần Giáo	11080	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	3.390	1.200	1.110	1.080
82	Điện Biên	Trung tâm y tế Huyện Mường Ảng Tỉnh Điện Biên	11082	Trung tâm y tế huyện Mường Ảng	11082	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	4.170	1.440	1.380	1.350
83	Điện Biên	TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH ĐIỆN BIÊN	11102	TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH ĐIỆN BIÊN	11102	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	1.470	540	480	450
84	Đồng Nai	Bệnh Viện Đa Khoa Đồng Nai	75001	Bệnh Viện Đa Khoa Đồng Nai	75001	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	1.350	450	450	450

85	Đồng Nai	Trung Tâm Y Tế Huyện Xuân Lộc	75013	Trung tâm y tế Huyện Xuân Lộc	75013	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	1.080	360	360	360
86	Đồng Nai	Bệnh Viện Đa Liễu tỉnh Đồng Nai	75234	Bệnh Viện Đa Liễu tỉnh Đồng Nai	75234	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	540	180	180	180
87	Đồng Nai	Trung Tâm Y Tế Thành phố Long Khánh	75303	Phòng khám, điều trị HIV/AIDS thuộc Trung Tâm Y Tế Thành phố Long Khánh	75303	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	9.450	3.150	3.150	3.150
88	Đồng Nai	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Đồng Nai	75308	Phòng khám chuyên khoa HIV/AIDS thuộc Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Đồng Nai	75308	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	2.700	900	900	900
89	Đồng Tháp	Trung tâm y tế huyện Tam Nông	87004	Trung tâm y tế huyện Tam Nông	87004	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	1.350	450	450	450
90	Đồng Tháp	Trung tâm y tế huyện Lấp Vò	87005	Trung tâm y tế huyện Lấp Vò	87005	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	1.890	630	630	630

91	Đồng Tháp	Trung tâm Y tế huyện Thanh Bình	87010	Trung tâm y tế Huyện Thanh Bình	87010	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	540	180	180	180
92	Đồng Tháp	bv đa khoa đồng tháp	87012	Bệnh viện đa khoa Đồng Tháp	87012	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	8.880	2.700	3.030	3.150
93	Đồng Tháp	BVĐK Sa Đéc	87014	BVĐK Sa Đéc	87014	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	2.430	660	870	900
94	Đồng Tháp	Bệnh viện Đa khoa khu vực Hồng Ngự	87015	Bệnh viện Đa khoa khu vực Hồng Ngự	87015	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	30.630	9.990	10.290	10.350
95	Đồng Tháp	Trung tâm y tế huyện Tháp Mười	87183	Trung tâm y tế huyện Tháp Mười	87183	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	2.580	810	870	900
96	Gia Lai	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Gia Lai	64001	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Gia Lai	64001	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	7.110	2.250	2.430	2.430

97	Gia Lai	TTYT huyện Phú Thiện	64041	TTYT huyện Phú Thiện	64041	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	6.930	2.250	2.340	2.340
98	Gia Lai	Trung tâm y tế thị xã An Khê	64250	Trung tâm y tế thị xã An Khê	64250	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	8.550	2.790	2.880	2.880
99	Hà Giang	Bệnh viện đa khoa Vị Xuyên	02005	BVĐK Vị Xuyên	02005	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	180	180	0	0
100	Hà Giang	Bệnh viện đa khoa huyện Quản Bạ	02009	BVĐK H. Quản Bạ	02009	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	1.620	540	540	540
101	Hà Giang	Bệnh Viện Đa khoa Huyện Đồng Văn	02011	BVĐK H. Đồng Văn	02011	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	540	180	180	180
102	Hà Giang	BVĐK huyện Mèo Vạc	02012	BVĐK H. Mèo Vạc	02012	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	1.620	540	540	540

103	Hà Nam	Trung tâm y tế huyện Kim Bảng	35004	Trung tâm y tế huyện Kim Bảng	35004	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	9.330	3.690	2.940	2.700
104	Hà Nam	Trung tâm y tế huyện Thanh Liêm	35022	Trung tâm y tế huyện Thanh Liêm	35022	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	8.100	2.700	2.700	2.700
105	Hà Nam	Trung tâm y tế thị xã Duy Tiên	35036	Trung tâm y tế thị xã Duy Tiên	35036	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	3.240	1.080	1.080	1.080
106	Hà Nam	Trung tâm Y tế huyện Bình Lục	35046	Trung tâm Y tế huyện Bình Lục	35046	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	0			
107	Hà Nam	Trung tâm y tế huyện Lý Nhân	35064	Trung tâm y tế huyện Lý Nhân	35064	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	5.400	1.800	1.800	1.800
108	Hà Nam	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Hà Nam	35155	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Hà Nam	35155	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	10.800	3.600	3.600	3.600

109	Hà Nội	Bệnh viện đa khoa Đống Đa	01004	Bệnh viện đa khoa Đống Đa	01004	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	9.360	3.060	3.150	3.150
110	Hà Nội	Trung tâm y tế quận Đống Đa	01806	Phòng khám đa khoa số 3 trực thuộc trung tâm y tế quận Đống Đa	01021	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	134.910	44.910	45.000	45.000
111	Hà Nội	Trung tâm y tế quận Ba Đình	01801	Phòng khám đa khoa 50 Hàng Bún (TTYT Quận Ba Đình)	01059	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	2.280	810	750	720
112	Hà Nội	Trung tâm y tế quận Tây Hồ	01803	Phòng khám đa khoa trực thuộc Trung tâm y tế quận Tây Hồ	01066	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	0			
113	Hà Nội	Trung tâm Y tế Quận Thanh Xuân	01809	Phòng khám đa khoa trực thuộc Trung tâm Y tế quận Thanh Xuân	01074	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	2.160	720	720	720
114	Hà Nội	Trung tâm y tế Đống Anh	01811	Phòng khám đa khoa miền Đông (TTYT huyện Đông Anh)	01084	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	13.410	4.410	4.500	4.500

115	Hà Nội	Trung tâm Y tế Quận Long Biên	01804	Phòng khám Đa khoa Trung tâm (TTYT quận Long Biên)	01092	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	61.200	20.100	20.400	20.700
116	Hà Nội	Bệnh viện Bệnh Nhiệt đới Trung Ương	01924	Bệnh viện Bệnh Nhiệt đới Trung Ương	01924	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	25.980	8.190	8.790	9.000
117	Hà Nội	Bệnh Viện Đa Khoa Hà Đông	01816	Bệnh viện đa khoa Hà Đông	01816	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	2.580	810	870	900
118	Hà Nội	Bệnh viện đa khoa Văn Đình	01817	Bệnh viện đa khoa Văn Đình	01817	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	5.400	1.800	1.800	1.800
119	Hà Nội	Bệnh viện đa khoa huyện Ba Vì	01822	Bệnh viện đa khoa huyện Ba Vì	01822	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	1.350	450	450	450
120	Hà Nội	Bệnh Viện Đa Khoa Sơn Tây	01831	Bệnh Viện Đa Khoa Sơn Tây	01831	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	0			

121	Hà Nội	Bệnh viện Phổi Hà Nội	01903	Bệnh viện Phổi Hà Nội	01903	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	39.240	13.770	12.870	12.600
122	Hà Nội	Bệnh viện Bạch Mai	01929	Bệnh viện Bạch Mai	01929	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	2.220	600	750	870
123	Hải Dương	Bệnh viện Bệnh Nhiệt đới tỉnh Hải Dương	30341	Bệnh viện Bệnh Nhiệt đới tỉnh Hải Dương	30341	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	3.870	1.200	1.320	1.350
124	Hải Phòng	Trung tâm Y tế quận Hồng Bàng	31002	Phòng khám đa khoa khu vực Thượng Lý (thuộc Trung tâm Y tế quận Hồng Bàng)	31559	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	1.350	450	450	450
125	Hải Phòng	Bệnh viện đa khoa quận Ngô Quyền	31003	Bệnh viện đa khoa quận Ngô Quyền	31003	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	810	270	270	270
126	Hải Phòng	Trung Tâm Y tế quận Lê Chân	31004	Trung Tâm Y tế quận Lê Chân	31004	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	1.890	630	630	630

127	Hải Phòng	Bệnh viện đa khoa huyện Thủy Nguyên	31006	Bệnh viện đa khoa huyện Thủy Nguyên	31006	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	6.210	2.070	2.070	2.070
128	Hải Phòng	Trung Tâm Y Tế Huyện An Dương	31007	Trung Tâm Y Tế Huyện An Dương	31007	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	1.890	630	630	630
129	Hải Phòng	Bệnh viện đa khoa huyện An Lão	31008	Bệnh viện đa khoa huyện An Lão	31008	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	540	180	180	180
130	Hải Phòng	Trung tâm y tế Huyện Kiến Thụy thành phố Hải Phòng	31011	Trung tâm y tế huyện Kiến Thụy Thành Phố Hải Phòng	31011	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	1.350	450	450	450
131	Hải Phòng	Trung tâm Y tế quận Đồ Sơn	31012	Trung tâm Y tế quận Đồ Sơn	31012	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	540	180	180	180
132	Hải Phòng	TTYT Quận Hải An	31020	Trung tâm y tế quận Hải An	31020	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	1.350	450	450	450

133	Hải Phòng	Bệnh viện Kiến An	31031	Bệnh viện Kiến An	31031	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	1.350	450	450	450
134	Hải Phòng	Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp	31153	Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp	31153	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	1.350	450	450	450
135	Hậu Giang	Trung tâm Kiểm soát Bệnh tật tỉnh Hậu Giang	93105	Phòng khám Điều trị HIV/AIDS thuộc Khoa phòng chống HIV/AIDS, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Hậu Giang	93105	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	42.570	14.670	13.950	13.950
136	Hậu Giang	TTYT Thành Phố Ngã Bảy	93108	TTYT Thành Phố Ngã Bảy	93108	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	30.870	10.950	10.110	9.810
137	Hòa Bình	Bệnh viện đa khoa tỉnh Hòa Bình	17001	Bệnh Viện đa khoa tỉnh Hòa Bình	17001	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	11.130	3.870	3.660	3.600
138	Hòa Bình	Trung Tâm Y Tế Huyện Lương Sơn	17005	Trung tâm y tế huyện Lương Sơn	17005	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	6.300	2.520	1.980	1.800

139	Hòa Bình	Trung tâm Y tế huyện Mai Châu	17008	Trung tâm Y tế huyện Mai Châu	17008	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	11.250	3.960	3.690	3.600
140	Hòa Bình	Trung tâm y tế huyện Lạc sơn	17010	Trung tâm y tế huyện Lạc Sơn	17010	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	12.330	4.830	3.900	3.600
141	Hòa Bình	Trung tâm y tế huyện Kim Bôi	17012	Trung tâm y tế huyện Kim Bôi	17012	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	5.340	2.280	1.710	1.350
142	Hồ Chí Minh	Bệnh viện Quân y 175	79034	Bệnh viện Quân y 175	79034	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	4.050	1.350	1.350	1.350
143	Hồ Chí Minh	BỆNH VIỆN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC	79037	BỆNH VIỆN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC	79037	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	3.500	1.000	1.000	1.500
144	Hồ Chí Minh	Trung tâm y tế huyện Cần Giờ	79042	Trung tâm y tế huyện Cần Giờ	79042	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	630	210	210	210

145	Hồ Chí Minh	Bệnh viện Bệnh Nhiệt đới	79394	Bệnh viện Bệnh Nhiệt đới	79394	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	1.350	450	450	450
146	Hồ Chí Minh	Bệnh viện NHI ĐÔNG 2	79408	Bệnh viện NHI ĐÔNG 2	79408	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	0			
147	Hồ Chí Minh	Bệnh viện Phạm Ngọc Thạch	79499	Bệnh viện Phạm Ngọc Thạch	79499	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	4.050	1.350	1.350	1.350
148	Hồ Chí Minh	Phòng khám đa khoa (thuộc CN Công ty CP Greenbiz -PKĐK Galant)	79557	Phòng khám đa khoa (thuộc CN Công ty CP Greenbiz - PKĐK Galant)	79557	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	5.790	1.860	1.950	1.980
149	Hồ Chí Minh	Trung Tâm y tế Quận Bình Thạnh	79579	Trung Tâm Y Tế quận Bình Thạnh - Cơ sở 2	79655	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	2.550	780	870	900
150	Hồ Chí Minh	Trung tâm Y tế Quận 8	79582	Trung tâm Y tế Quận 8	79582	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	5.730	1.920	1.920	1.890

151	Hồ Chí Minh	Trung tâm y tế thành phố thủ đức	79583	Trung Tâm Y Tế Thành Phố Thủ Đức	79583	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	0			
152	Hồ Chí Minh	Trung Tâm Y Tế Quận 7	79590	Phòng khám đa khoa, thuộc Trung tâm y tế quận 7	79584	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	0			
153	Hồ Chí Minh	Trung tâm Y tế Huyện Nhà Bè	79729	Trung tâm Y tế Huyện Nhà Bè	79729	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	293	97	97	99
154	Hồ Chí Minh	Trung tâm Y Tế quận Bình Tân	79996	Trung tâm Y Tế quận Bình Tân - Cơ sở 3	79586	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	540	180	180	180
155	Hồ Chí Minh	Trung tâm y tế quận 10	79027	Trung tâm Y tế Quận 10 - Cơ sở 2	79591	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	1.350	450	450	450
156	Hồ Chí Minh	Trung Tâm Y tế Quận 11	79596	Phòng khám Đa khoa (Thuộc Trung Tâm Y Tế Quận 11)	79594	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	4.500	1.500	1.500	1.500

157	Hồ Chí Minh	TRUNG TÂM Y TẾ QUẬN 3	79009	TRUNG TÂM Y TẾ QUẬN 3 - CƠ SỞ 4	79600	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	0			
158	Hồ Chí Minh	TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN BÌNH CHÁNH	79604	Phòng khám đa khoa thuộc Trung tâm Y tế huyện Bình Chánh	79603	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	3.600	1.200	1.200	1.200
159	Hồ Chí Minh	Trung tâm Y tế Thành Phố Thủ Đức	79583	Trung tâm Y tế Thành Phố Thủ Đức - Cơ sở 2	79652	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	120	30	60	30
160	Hồ Chí Minh	TRUNG TÂM Y TẾ THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC	79583	Phòng khám điều trị HIV/AIDS thuộc Trung tâm Y tế Thành phố Thủ Đức	79607	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	0			
161	Hồ Chí Minh	Trung tâm Y tế huyện Hóc Môn	79640	Trung tâm Y tế huyện Hóc Môn - Cơ sở 2	79609	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	3.000	900	900	1.200
162	Hồ Chí Minh	TTYT Quận 12	79612	TTYT Quận 12	79612	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	3.240	1.080	1.080	1.080

163	Hồ Chí Minh	Trung tâm y tế Quận 5	79015	Phòng khám điều trị HIV/AIDS thuộc Trung Tâm Y Tế Quận 5	79613	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	3.510	1.170	1.170	1.170
164	Hồ Chí Minh	Trung tâm y tế huyện Củ Chi	79728	Phòng khám, điều trị HIV/AIDS (Thuộc Trung Tâm Y tế huyện Củ Chi)	79617	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	3.660	1.200	1.200	1.260
165	Hồ Chí Minh	TRUNG TÂM Y TẾ QUẬN 1	79610	Trung Tâm Y Tế Quận 1 - Cơ sở 2	79651	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	2.490	810	810	870
166	Hồ Chí Minh	TRUNG TÂM Y TẾ QUẬN GÒ VẤP	79580	TRUNG TÂM Y TẾ QUẬN GÒ VẤP - CƠ SỞ 2	79653	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	13.410	5.940	4.050	3.420
167	Hồ Chí Minh	Trung Tâm Y Tế Quận Phú Nhuận	79587	Trung tâm y tế Quận Phú Nhuận - Cơ sở 2	79656	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	810	270	270	270
168	Hồ Chí Minh	Trung tâm y tế Quận 6	79599	Trung tâm y tế Quận 6 - Cơ Sở 2	79657	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	2.700	900	900	900

169	Hồ Chí Minh	Trung Tâm Y tế Quận 4	79602	TRUNG TÂM Y TẾ QUẬN 4- CƠ SỞ 3	79662	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	1.688	562	562	564
170	Hồ Chí Minh	Trung tâm y tế Quận Tân Bình	79574	Trung tâm y tế Quận Tân Bình - Cơ sở 2	79663	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	3.330	1.110	1.110	1.110
171	Hồ Chí Minh	TRUNG TÂM Y TẾ QUẬN TÂN PHÚ	79577	TRUNG TÂM Y TẾ QUẬN TÂN PHÚ- CƠ SỞ 2	79664	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	3.960	1.260	1.350	1.350
172	Kiên Giang	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Kiên Giang	91001	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Kiên Giang	91001	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	270	90	90	90
173	Kiên Giang	Trung tâm y tế thành phố Hà Tiên	91002	Trung tâm Y tế thành phố Hà Tiên	91002	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	810	270	270	270
174	Kiên Giang	Trung tâm Y tế huyện Tân Hiệp Kiên Giang	91004	Trung tâm Y tế Huyện Tân Hiệp	91004	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	1.080	360	360	360

175	Kiên Giang	Trung Tâm Y Tế Huyện Gò Quao	91007	Trung Tâm Y Tế Huyện Gò Quao	91007	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	1.260	360	450	450
176	Kiên Giang	Trung Tâm Y Tế Huyện An Minh	91009	Trung Tâm Y Tế huyện An Minh	91009	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	240	0	60	180
177	Kiên Giang	Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Thuận	91010	Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Thuận	91010	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	540	180	180	180
178	Kiên Giang	Trung tâm Y tế Thành phố Phú Quốc	91011	Trung tâm Y tế Thành phố Phú Quốc	91011	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	300	180	120	0
179	Kiên Giang	Trung tâm Y Tế huyện Kiên Lương	91013	Trung tâm y tế huyện Kiên Lương	91013	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	990	270	360	360
180	Kiên Giang	Trung tâm y tế Tp. Rạch Giá Kiên Giang	91101	Trung tâm Y tế Tp. Rạch Giá Kiên Giang	91101	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	270	90	90	90

181	Kon Tum	Bệnh viện đa khoa tỉnh Kon Tum	62001	Bệnh viện đa khoa tỉnh Kon Tum	62001	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	5.400	1.800	1.800	1.800
182	Kon Tum	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh	62152	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh	62152	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	15.750	5.040	5.310	5.400
183	Khánh Hòa	Trung tâm Y tế thị xã Ninh Hòa	56003	Trung tâm Y tế thị xã Ninh Hòa	56003	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	4.380	1.620	1.410	1.350
184	Khánh Hòa	Trung tâm Y tế huyện Diên Khánh	56004	Trung tâm y tế huyện Diên Khánh	56004	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	1.890	630	630	630
185	Khánh Hòa	Trung tâm Y tế Thành phố Nha Trang	56162	Trung tâm Y tế Thành phố Nha Trang	56008	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	7.650	2.340	2.610	2.700
186	Khánh Hòa	Trung tâm Y tế huyện Cam Lâm	56158	Trung tâm Y tế huyện Cam Lâm	56158	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	4.050	1.350	1.350	1.350

187	Khánh Hòa	Trung tâm Y tế thành phố Cam Ranh	56005	Phòng khám ngoại trú - Trung tâm Y tế thành phố Cam Ranh	56192	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	19.560	6.450	6.540	6.570
188	Khánh Hòa	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Khánh Hòa	56195	Phòng khám Chuyên khoa HIV/AIDS	56195	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	8.370	2.670	2.820	2.880
189	Lai Châu	Trung tâm y tế huyện Tân Uyên	12101	Trung tâm y tế huyện Tân Uyên	12101	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	540	180	180	180
190	Lạng Sơn	Bệnh viện đa khoa tỉnh Lạng Sơn	20003	Bệnh viện đa khoa tỉnh Lạng Sơn	20003	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	17.820	5.940	5.940	5.940
191	Lạng Sơn	Trung Tâm Y tế huyện Tràng Định	20006	Trung tâm y tế huyện Tràng Định	20006	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	1.020	690	240	90
192	Lạng Sơn	Trung tâm y tế huyện Văn Lãng	20008	Trung tâm y tế huyện Văn Lãng	20008	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	810	270	270	270

193	Lạng Sơn	Trung tâm y tế huyện Lộc Bình	20012	Trung tâm y tế huyện Lộc Bình	20012	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	1.410	630	420	360
194	Lạng Sơn	Trung tâm Y tế huyện Hữu Lũng	20016	Trung tâm Y tế huyện Hữu Lũng	20016	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	1.350	450	450	450
195	Lào Cai	Bệnh viện đa khoa tỉnh Lào Cai	10061	Bệnh viện đa khoa tỉnh Lào Cai	10061	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	1.350	450	450	450
196	Lâm Đồng	Bệnh viện đa khoa tỉnh Lâm Đồng	68001	Bệnh viện đa khoa tỉnh Lâm Đồng	68001	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	5.310	1.710	1.800	1.800
197	Lâm Đồng	Trung tâm y tế huyện Đức Trọng	68440	Trung Tâm Y Tế Huyện Đức Trọng	68440	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	0			
198	Lâm Đồng	BV II Lâm Đồng	68650	BV II Lâm Đồng	68650	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	17.490	5.670	5.880	5.940

199	Long An	Bệnh viện đa khoa Long An	80001	Bệnh viện Đa khoa Long An	80001	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	540	180	180	180
200	Long An	Trung tâm y tế huyện Thủ Thừa	80003	Trung tâm y tế huyện Thủ Thừa	80003	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	1.620	540	540	540
201	Long An	Trung Tâm Y tế Huyện Bến Lức	80004	Trung tâm y tế huyện Bến Lức	80004	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	3.780	1.230	1.230	1.320
202	Long An	Trung tâm Y tế huyện Cần Đước	80006	Trung tâm Y tế huyện Cần Đước	80006	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	1.890	630	630	630
203	Long An	BỆNH VIỆN ĐA KHOA KHU VỰC HẬU NGHĨA	80007	Bệnh viện đa khoa khu vực Hậu Nghĩa	80007	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	1.740	540	570	630
204	Long An	Trung tâm y tế huyện Châu Thành	80010	Trung tâm y tế huyện Châu Thành	80010	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	1.290	90	300	900

205	Nam Định	Trung tâm y tế huyện Trữc Ninh	36011	Trung tâm y tế huyện Trữc Ninh	36011	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	270	90	90	90
206	Nam Định	Trung tâm Y tế huyện Nam Trữc	36016	Trung tâm Y tế huyện Nam Trữc	36016	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	810	270	270	270
207	Nam Định	Bệnh viện đa khoa huyện Hải Hậu	36017	Bệnh viện đa khoa huyện Hải Hậu	36017	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	9.450	3.150	3.150	3.150
208	Nam Định	Trung tâm y tế huyện Xuân Trường	36022	Trung tâm y tế huyện Xuân Trường	36022	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	8.100	2.700	2.700	2.700
209	Nam Định	Trung tâm y tế huyện Giao Thủy	36025	Trung tâm y tế huyện Giao Thủy	36025	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	8.100	2.700	2.700	2.700
210	Nam Định	Trung tâm y tế huyện Nghĩa Hưng	36028	Trung tâm y tế huyện Nghĩa Hưng	36028	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	2.700	900	900	900

211	Nam Định	Trung tâm Y tế huyện Ý Yên	36032	Trung tâm Y tế huyện Ý Yên	36032	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	2.700	900	900	900
212	Nam Định	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nam Định	36060	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nam Định	36060	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	13.500	4.500	4.500	4.500
213	Ninh Bình	Trung tâm Y tế Thành phố Ninh Bình	37103	Trung tâm y tế Thành phố Ninh Bình	37103	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	6.750	2.250	2.250	2.250
214	Ninh Thuận	Trung Tâm y tế Huyện Ninh Phước	58002	Trung Tâm y tế Huyện Ninh Phước	58002	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	5.970	2.250	1.920	1.800
215	Ninh Thuận	Trung tâm Y tế huyện Ninh Hải	58004	Trung tâm Y tế huyện Ninh Hải	58004	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	1.350	450	450	450
216	Ninh Thuận	Trung tâm Y tế huyện Thuận Bắc	58012	Trung tâm Y tế huyện Thuận Bắc	58012	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	1.350	450	450	450

217	Ninh Thuận	Trung tâm Y tế huyện Ninh Sơn	58082	Trung tâm Y tế Ninh Sơn	58082	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	1.650	690	510	450
218	Ninh Thuận	Trung tâm Y tế thành phố Phan Rang - Tháp Chàm	58083	Phòng khám đa khoa thuộc Trung tâm Y tế thành phố Phan Rang - Tháp Chàm	58083	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	5.400	1.800	1.800	1.800
219	Nghệ An	Bệnh viện đa khoa Diễn Châu	40007	Bệnh viện đa khoa Diễn Châu	40007	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	0			
220	Nghệ An	Trung Tâm Y Tế Huyện Tương Dương	40014	Trung Tâm Y Tế Huyện Tương Dương	40014	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	540	180	180	180
221	Nghệ An	Bệnh Viện Đa Khoa Thành Phố Vinh	40019	Bệnh Viện Đa Khoa Thành Phố Vinh	40019	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	1.200	420	330	450
222	Phú Thọ	BVĐK tỉnh Phú Thọ	25001	BVĐK tỉnh Phú Thọ	25001	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	810	270	270	270

223	Phú Thọ	bệnh viện đa khoa thị xã phú thọ	25002	Bệnh viện đa khoa thị xã Phú Thọ	25002	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	13.500	4.500	4.500	4.500
224	Phú Yên	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Phú Yên	54117	Phòng khám Chuyên khoa HIV/AIDS và điều trị nghiện chất	54117	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	22.350	7.800	7.350	7.200
225	Quảng Bình	Trung tâm Kiểm soát Bệnh tật tỉnh Quảng Bình	44417	PHÒNG KHÁM ĐA KHOA THUỘC TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH QUẢNG BÌNH	44417	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	4.050	1.350	1.350	1.350
226	Quảng Nam	Bệnh viện Đa khoa Quảng Nam	49001	Bệnh viện Đa khoa Quảng Nam	49001	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	3.600	1.260	1.170	1.170
227	Quảng Nam	Bệnh viện phụ sản - Nhi Quảng Nam	49112	Bệnh viện Phụ sản - Nhi tỉnh Quảng Nam	49112	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	1.620	540	540	540
228	Quảng Ninh	Bệnh viện Đa khoa Cẩm Phả	22007	Bệnh viện Đa khoa Cẩm Phả	22007	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	270	90	90	90

229	Quảng Ninh	Trung tâm Y tế thành phố Đông Triều	22015	Trung tâm Y tế thành phố Đông Triều	22015	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	540	180	180	180
230	Quảng Ninh	Trung tâm y tế thị xã Quảng Yên	22017	Trung tâm y tế thị xã Quảng Yên	22017	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	930	270	360	300
231	Quảng Ninh	Bệnh viện Đa khoa Hạ Long	22020	Bệnh Viện Đa Khoa Hạ Long	22020	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	6.630	2.160	2.220	2.250
232	Quảng Ninh	Trung tâm Y tế huyện Văn Đồn	22021	Trung tâm Y tế huyện Văn Đồn	22021	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	1.080	360	360	360
233	Quảng Ninh	Trung tâm Y tế huyện Tiên Yên	22022	Trung tâm Y tế huyện Tiên Yên	22022	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	810	270	270	270
234	Quảng Ninh	Trung tâm Y tế thành phố Móng Cái	22027	Trung tâm Y tế thành phố Móng Cái	22027	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	1.350	450	450	450

235	Quảng Ninh	Bệnh viện Việt Nam-Thụy Điển Uông Bí	22030	Bệnh viện Việt Nam-Thụy Điển Uông Bí	22030	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	1.350	450	450	450
236	Quảng Ninh	Trung tâm Y tế thành phố Hạ Long	22031	Phòng khám đa khoa/ Trung Tâm - Trung tâm y tế thành phố Hạ Long	22031	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	1.080	360	360	360
237	Quảng Ninh	Bệnh viện Đa khoa khu vực Cẩm Phả	22095	Bệnh viện Đa khoa khu vực Cẩm Phả	22095	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	540	180	180	180
238	Quảng Ngãi	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ngãi	51224	Phòng khám, điều trị HIV/AIDS	51224	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	54.240	17.820	18.420	18.000
239	Quảng Trị	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh	45092	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh	45092	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	31.320	10.440	10.440	10.440
240	Sóc Trăng	Bệnh viện đa khoa tỉnh Sóc Trăng	94001	Bệnh viện đa khoa tỉnh Sóc Trăng	94001	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	6.750	2.250	2.250	2.250

241	Tây Ninh	Trung tâm Y tế Thị xã Hòa Thành	72002	Trung tâm Y tế Thị xã Hòa Thành	72002	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	930	360	300	270
242	Tây Ninh	Trung Tâm Y Tế Thị Xã Trảng Bàng	72004	Trung tâm Y tế Thị Xã Trảng Bàng	72004	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	45.840	15.000	15.360	15.480
243	Tiền Giang	Bệnh viện Đa khoa khu vực Gò Công	82002	BVĐKKV GÒ CÔNG	82002	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	16.200	5.400	5.400	5.400
244	Tiền Giang	Bệnh viện Đa khoa khu vực Cai Lậy	82003	Bệnh viện Đa khoa khu vực Cai Lậy	82003	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	20.700	6.840	6.930	6.930
245	Tiền Giang	TTKSBT tỉnh Tiền Giang	82215	Phòng khám, điều trị HIV/AIDS thuộc Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Tiền Giang	82215	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	89.760	29.820	29.970	29.970
246	Thái Bình	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thái Bình	34001	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thái Bình	34001	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	4.050	1.350	1.350	1.350

247	Thái Bình	Bệnh viện đa khoa Thành phố Thái bình	34002	Bệnh viện Đa khoa Thành Phố Thái Bình	34002	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	7.200	2.400	2.400	2.400
248	Thái Bình	Bệnh viện Đa khoa huyện vũ thư	34003	Bệnh viện Đa khoa huyện Vũ Thư	34003	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	18.900	6.300	6.300	6.300
249	Thái Bình	Bệnh viện Đa khoa kiến xương	34004	Bệnh viện Đa khoa kiến xương	34004	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	21.300	9.000	6.300	6.000
250	Thái Bình	Bệnh viện Đa khoa huyện Tiền Hải	34005	Bệnh viện Đa khoa huyện Tiền Hải	34005	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	9.450	3.150	3.150	3.150
251	Thái Bình	Bệnh viện đa khoa Đông Hưng	34006	Bệnh viện đa khoa Đông Hưng	34006	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	8.550	3.150	2.700	2.700
252	Thái Bình	Bệnh viện đa khoa Quỳnh Phụ	34007	Bệnh viện đa khoa Quỳnh Phụ	34007	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	6.150	2.250	2.100	1.800

253	Thái Bình	Bệnh viện Đa khoa Hưng Hà	34008	Bệnh viện Đa khoa Hưng Hà	34008	Efavirenz/ Lamivudin c/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	8.190	2.790	0	5.400
254	Thái Bình	Bệnh viện Đa khoa Thái Thụy	34009	Bệnh viện Đa khoa Thái Thụy	34009	Efavirenz/ Lamivudin c/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	8.370	2.790	2.790	2.790
255	Thái Bình	Bệnh viện Nhi tỉnh	34321	Bệnh viện Nhi tỉnh	34321	Efavirenz/ Lamivudin c/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	1.380	540	540	300
256	Thái Nguyên	Trung tâm y tế thành phố Thái Nguyên	19001	Trung tâm y tế thành phố Thái Nguyên	19001	Efavirenz/ Lamivudin c/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	8.100	2.700	2.700	2.700
257	Thái Nguyên	Bệnh viện đa khoa huyện Định Hóa	19003	Bệnh viện đa khoa huyện Định Hóa	19003	Efavirenz/ Lamivudin c/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	540	180	180	180
258	Thái Nguyên	TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN PHÚ LƯƠNG	19004	TTYT Phú Lương	19004	Efavirenz/ Lamivudin c/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	270	90	90	90

259	Thái Nguyên	Trung tâm Y tế huyện Đồng Hỷ	19005	Trung tâm Y tế huyện Đồng Hỷ	19005	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	2.610	810	900	900
260	Thái Nguyên	Bệnh viện Đa khoa huyện Đại Từ	19007	Bệnh viện Đa khoa huyện Đại Từ	19007	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	2.700	900	900	900
261	Thái Nguyên	Bệnh viện Đa khoa huyện Phú Bình	19009	Bệnh viện Đa khoa huyện Phú Bình	19009	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	3.510	1.170	1.170	1.170
262	Thái Nguyên	Bệnh viện A Thái Nguyên	19012	Bệnh viện A Thái Nguyên	19012	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	270	90	90	90
263	Thanh Hóa	Bệnh viện Đa khoa thành phố Thanh Hoá	38010	Bệnh viện Đa khoa thành phố Thanh Hoá	38010	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	2.700	900	900	900
264	Thanh Hóa	Bệnh viện đa khoa khu vực Ngọc Lặc	38090	Bệnh viện đa khoa khu vực Ngọc Lặc	38090	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	4.050	1.350	1.350	1.350

265	Thanh Hóa	Bệnh viện Đa khoa huyện Hà Trung	38180	Bệnh viện Đa khoa huyện Hà Trung	38180	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	270	90	90	90
266	Thanh Hóa	Bệnh Viện Đa Khoa Huyện Quảng Xương	38220	Bệnh Viện Đa Khoa Huyện Quảng Xương	38220	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	0			
267	Thừa Thiên Huế	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thừa Thiên Huế	46211	Phòng khám chuyên khoa và điều trị nghiện chất - Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thừa Thiên Huế	46211	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	43.980	16.290	14.190	13.500
268	Trà Vinh	Bệnh viện đa khoa tỉnh Trà Vinh	84-001	Bệnh viện đa khoa tỉnh Trà Vinh	84001	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	8.100	2.700	2.700	2.700
269	Vĩnh Long	Bệnh viện đa khoa Vĩnh Long	86001	Bệnh viện đa khoa Vĩnh Long	86001	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	83.790	26.190	28.695	28.905
270	Vĩnh Long	TTYT Thị xã Bình Minh	86032	TTYT Thị xã Bình Minh	86032	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	27.000	9.000	9.000	9.000

271	Vĩnh Long	Trung tâm Y tế huyện Tam Bình	86049	Trung tâm Y tế huyện Tam Bình	86049	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	5.850	1.800	2.100	1.950
272	Vĩnh Long	Trung Tâm Y Tế huyện Trà Ôn	86066	Trung Tâm Y Tế huyện Trà Ôn	86066	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	20.220	7.070	6.650	6.500
273	Vĩnh Phúc	Trung tâm y tế huyện Sông Lô	26003	Trung tâm Y tế huyện Sông Lô	26003	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	2.700	900	900	900
274	Yên Bái	Trung tâm y tế Thành phố Yên Bái	15104	Trung tâm y tế Thành phố Yên Bái	15104	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	67.590	22.590	22.500	22.500
275	Yên Bái	Trung tâm Y tế huyện Văn Yên	15301	Trung tâm Y tế huyện Văn Yên	15301	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	23.220	7.740	7.740	7.740
276	Yên Bái	Trung tâm y tế huyện Mù Cang Chải	15501	Trung tâm y tế huyện Mù Cang Chải	15501	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	3.240	1.080	1.080	1.080

277	Yên Bái	Trung tâm y tế huyện Văn Chấn	15601	Trung tâm y tế huyện Văn Chấn	15601	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	2.700	900	900	900
278	Yên Bái	Trung tâm y tế huyện Trấn Yên	15701	Trung tâm y tế huyện Trấn Yên	15701	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	17.820	5.940	5.940	5.940
279	Yên Bái	Trung tâm Y tế huyện Trạm Tấu	15801	Trung tâm y tế huyện Trạm Tấu	15801	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	810	270	270	270
280	Yên Bái	Bệnh viện Đa khoa khu vực Nghĩa Lộ	15901	Bệnh viện Đa khoa khu vực Nghĩa Lộ	15901	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	48.060	16.020	16.020	16.020
281	Bạc Liêu	Trung tâm Y tế thành phố Bạc Liêu	95033	Trung tâm Y tế thành phố Bạc Liêu	95033	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	2.700	900	900	900
282	Hà Nội	Trung tâm Y tế Quận Hoàng Mai	01808	Phòng khám đa khoa Linh Đàm trực thuộc Trung tâm y tế quận Hoàng Mai	01045	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	1.620	540	540	540

283	Hà Nội	Bệnh viện Đại học Y Hà Nội	01934	Bệnh viện Đại học Y Hà Nội	01934	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	1.620	540	540	540
284	Lai Châu	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Lai Châu	12143	Phòng khám đa khoa thuộc Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Lai Châu	12143	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	6.600	2.130	2.220	2.250
285	Thanh Hóa	Bệnh viện đa khoa huyện Thạch Thành	38110	Bệnh viện đa khoa huyện Thạch Thành	38110	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	270	90	90	90
286	Thanh Hóa	Bệnh viện đa khoa Thiệu Hóa	38240	Bệnh viện đa khoa huyện Thiệu Hóa	38240	Efavirenz/ Lamivudin e/ Tenofovir Disoproxil Fumarate Tablets 400mg/ 300mg/ 300mg	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine, 400mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim	Uống	Nhóm 5	0	0	0	0